GEORG GRIMM

TUỆ GIÁC CỦA PHẬT

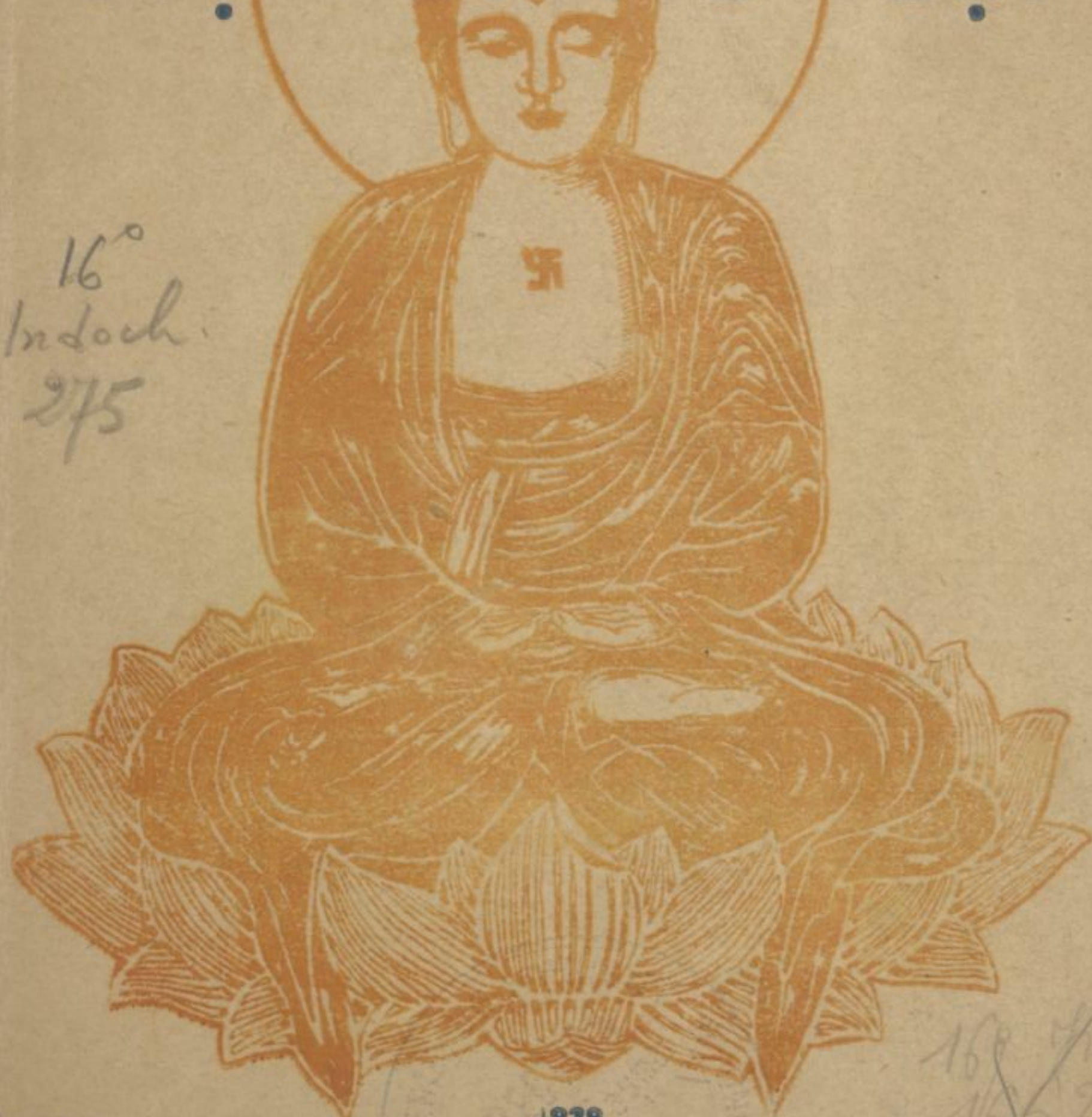

1939
IMP. DONG-PHUONG — CHOLON

GEORGES GRIMM

LA SAGESSE DU BOUDDHA

TUỆ-GIÁC CỦA PHẬT

IMPRIMERIE DONG-PHUONG
123-125, Rue de Cây-Mai
CHOLON

Phi-Lộ

Ông Nguyễn-văn-Nhuận dịch xong bản « Tuệ-giác của Phật » gởi bản-thảo cậy tôi nhuận sắc bản dịch của ông, và viết luôn bài tựa.

Tôi áy-ngại hết sức, lượng sức mình còn yếu, không dám lãnh cái sứ-mạng nặng-nề và khó-khăn ấy. Nhưng rồi lại lãnh, cũng là một sự đánh-bạo. Theo như lời dịch giã bảo với tôi rằng: ông cũng vẫn đánh bạo dịch quyển sách ấy ra, thì sự đánh bạo của tôi lãnh nhuận-sắc bản-thảo, không có gì phải e ngại nữa.

Vã, khi xưa, cách đây chừng bảy tám năm, tôi có đọc quyển Sagesse du Bouddha của G. Grimm so-sánh với tất cã các sách về Phật-giáo thì quyển nầy có nhiều đặc-sắc hơn, nhứt nó là một quyển nói thuần về triết-lý cao-siêu, mà lời văn rất sáng sũa, rất gọn-ghẽ. Tôi định-ý dịch nó ra quốc-văn, nhưng rồi, thời giờ không có, lại sự mắc-mõ về từ-ngữ làm cho tôi không thể đạt được ý-nguyện. Tưởng rằng cái sỡ-nguyện ấy đành chịu để trôi theo dòng nước, nào dè hôm nay lại gặp đặng cơ-hội thấy quyển sách ấy dịch xong, cái mừng ấy, làm cho tôi không thể làm ngơ, mà phải đánh bạo lãnh cái trách-nhiệm nặng-nề nầy, chẳng chi hơn là để khuyến-khích dịch-giã, làm một việc tôi cho là có ích cho những người ham mộ Phật giáo mà thiếu điều-kiện để đọc các sách Phật do người Âu-châu viết.

Về nội-dung quyển sách, thì tôi không thể phê-bình, tôi chỉ biết, trong các sách Âu tây nói về Phật-giáo, thì nó là một quyển nói ròng về mặt triết-lý, rạch-ròi và cao-sâu hơn hết. Mặc dầu, tám năm qua, tư-tưởng của tôi về Phật-giáo có biến-đổi nhiều, hôm nay đọc lại nó, tôi vẫn còn hứng-thú ..

Giờ tôi chỉ bàn về công-phu phiên-dịch của dịch-giã. Thà trước-tác một quyển sách hơn là phiên-dịch ra một quyển sách. Ngạn-ngữ tây có nói « Le traducteur est toujours un traître » (nhà dịch-giã luôn luôn là một người phẫn-phúc). Phẫn-phúc tư-tưởng kẽ khác, bởi mình chỉ dịch theo sự hiểu biết của mình. Một lời nói ra, không thể bao giờ có đồng một nghĩa đối với hai người. (Aucun mot, n'a le même sens pour deux hommes). Bởi thế, một bẩn-dịch không thể nào đúng với nguyên-ý của tác-giã.

Dịch-giã chỉ dịch theo chỗ hiểu biết của mình thôi. Mà sự hiểu biết ấy còn phải chịu sự thay-đổi của thời-gian. Biết đâu 5, 10 năm nữa, dịch-giã sẽ hiểu khác hơn. Lại nữa trình-độ của mỗi độc-giã mỗi khác, cho nên có lẽ, đối với một phần đông độc-giã, bẩn-dịch nầy sẽ còn nhiều khuyết-điểm về ý-nghĩa, hoặc về văn-tự. Tiếng nói, thường để hình-dung những đều ta có thể thấy đặng, tưởng tượng đặng chớ không thể dùng để miêu-tã những đều có thể cảm đặng mà không thể nói ra đặng, đó là đều khó-khăn nhứt của dịch giã. Có nhiều tiếng phải tạm lấy nghĩa mà dịch, nhưng vẫn có định nghĩa rõ-ràng, mai sau có tìm đặng chữ đúng hơn dịch-giã sẽ đính-chánh lại. Công việc nầy, không thể một người riêng ra mà làm được hoàn-toàn, cần phải có nhiều học-giã nhiệt-thành của Phật giáo góp sức vào, cho nó được gọn-ghẽ hơn, đặc-sắc hơn.

NGUYỄN-DUY-CẦN

TỰA

Vấn-đề quan-trọng, một vấn-đề mà người ta có thể gọi là độc-nhứt vô-nhị, là vấn-đề nầy: làm thế nào thiệt hiện được cho mỗi người cái trạng-thái hoàn-toàn đầy đủ? Phải là một trạng-thái không còn vọng động nữa, hoặc là cái trạng thái đó biến đổi đi để một trạng-thái nào khác hiện ra để thế vào cho trạng-thái đó. Đến chừng nào vấn-đề nầy còn chưa giải-quyết xong thì mục đích thật của con người không bao giờ đạt được. Công việc của triết học và của các tôn-giáo là tìm phương giải-quyết vấn-đề ấy, vấn-đề lớn nhứt trong đời.

Các môn-phái triết-học và đạo-học vi như những núi-non bao-trùm cã loài-người. Những núi-non đó gồm có nhiều hòn (như, ngày nay, là thông-thiên-học, nhân-diễn-học (anthropo-sophie) và những học-phái tương-tợ như thế) có nhiều núi hoặc thấp hoặc cao và, sau hết, có nhiều cụm to lớn.

Một trong những cụm đó là đạo-phái Véda, một cụm khác là triết-học của Lảo-tử, một

cụm khác nửa là học-phái Platon, do nơi giáo-lý của Socrate mà ra và truyền đến Plotin thì giáo-lý được phát đạt hơn hết ; sau nửa là đạo Cơ-đốc nhờ có những bực tâm-đắc nhứt là đức Thầy Eckhart, đạo-học được cao đến cực-đ ềm. Nhưng cụm núi cao hơn hết — tỷ như cụm Himalaya, chúa tể cả thảy núi non — là giáo-lý của Phật, quá cao cho đến đỗi ở trên chót cụm nầy người ta có thể ngó một cái là thấy hết một lược cả thảy mấy dảy núi kia.

Cả thảy những học-phái kia đều có chỉ dạy ít nhiều phương hướng cho chúng ta tìm biết cái trạng-thái hoàn toàn đầy đủ ấy. Nhưng, chỉ có hoàng-tử Sidartha Gautama, biết thấu đáo trạng thái ấy mà thôi, và vì lẻ đó mới kêu ngài là Phật, nghĩa là: đấng đã hoàn-toàn giác-ngộ. Duy chỉ có ngài là người đầu tiên thiệt hiện được sự yên tỉnh hoàn-toàn, trường cửu, dầu cho sự chết cũng không làm sao xao xiến được.

Hơn nửa, ngài đã giải-nghĩa một cách thật rỏ ràng cái vận mạng tuyệt-đối của vạn vật, ngài nhận-thức cái vận-mạng ấy một cách tinh-tường. Vì thế, ngài không kêu gọi đến đức-tin mà chỉ dùng lẻ-phải. Ngài lại còn nói minh-bạch rằng không nên chỉ dùng đức-tin mà nhận những lời ngài dạy, trái lại, phải nhận đều nào mà ta tự biết là thật phải. Có vị giáo-chủ nào nói như thế không ? Thêm nửa,

ngài chỉ đường đi tới mục-đích cuối cùng một cách chính-xác như bản địa đồ trong việc hành-binh, đặng cho người nào thật lòng ham mộ đều có thể đi theo được.

Thật vậy, theo nguyên-tắc của nó, con đường này khác hẳn với cử-chỉ mà phần đông nhơn loại đã quen theo trong đường đời.

Bởi vì người nào có chí đi trong đường của Phật, trước hết phải khởi sự phá hoại hết những đều mà người đã kiến-thiết và phải biết khinh hết mọi đều mà người đã ưa mến từ trước tới giờ. Có làm thế nào khác được đâu ? Có thể nào một người quen duy-trì sự giả-dối mà đạt được chơn-lý đâu ? Có thể nào cái cửa trường cửu lại mở ra cho kẻ an lòng trong cảnh tạm thời ? Có thể nào một người thích vùi mình dưới bùn lầy mà được trong sạch ? Có thể nào một người tìm hạnh-phước trong sự khoái-lạc mà được hạnh-phước chăng ? Hạnh-phước chơn-thiệt, vĩnh-cửu ở ngoài cõi hữu-hình, ngoài cõi chết, ngoài chốn bùn nhơ, ngoài sự khoái-lạc.

Sự thực-hiện một cảnh như thế, thật rất ít người cố-tâm làm được. Nhưng, nếu ai hết lòng thiệt hành thì ít ra cũng hưởng sự lợi-ích. Bởi vì mỗi bước, dầu ngắn đến đâu — miễn là nhắm đến mục-đích — thì thế nào ta cũng được gần trạng thái rất hợp với ta. Mỗi bước ấy sẽ

cho ta thêm hạnh-phước. Trừ đều nầy ra, quả chẳc những bực trí-thức cao thâm cần phải biết giáo-lý của Phật, giáo-lý mà sự huy-hoàng của nó, không còn ai ngờ vực được.

Đây là nói về giáo-lý chơn-truyền của Phật chớ chẳng phải cá mà bây giờ người ta gọi là « phật-giáo » đâu. Giáo-lý mà tự đức Phật truyền-bá từ thế-kỷ thứ sáu trước chúa gia-tô giáng-sanh đã thất chơn-truyền năm trăm năm sau khi ngài tịch-diệt, đúng theo lời tiên-tri của ngài. Giáo-lý ấy, vì quá cao siêu nên không thể giữ vẻ thuần-túy lâu dài hơn nửa được. Các xu-hướng phật-giáo ở Châu Á hiện-thời không còn là chánh-giáo của Phật, cũng như các chi-nhánh cơ-đốc-giáo ngày nay không thể làm tiêu-biểu cho chánh-giáo của đấng Christ. Bởi thế, người nào muốn tìm trở lại chơn-truyền của Phật ở Châu Á hiện-thời cũng không khác nào như người tưởng rằng gặp được chánh-giáo của đức Christ tại thành Rome ngày nay.

Giáo-lý chơn-truyền của Phật có ghi chép trong kinh-tạng Pâli, góp nhửng lời của Phật và của mấy vị đại-đệ-tử của ngài. Bài thuyết-minh sau đâ là rút trong kinh-tạng ấy ; nhưng mà, đây chỉ mới trích-lục một phần giáo-lý của Phậ , giáo-lý ấy có giải rỏ trong bổn sách chánh của tác-giã : **Giáo-lý của Phật, Tôn-giáo căn-cứ ở Lý-Trí.** *Bên Đức-quốc, bổn*

sách chánh ấy đã được xuất-bản 14 lần và cũng có xuất-bản bằng tiếng hồng-mao. Bổn chử pháp cũng sắp ra.

Quyển Tuệ-giác nầy được xuất-bản là nhờ hảo-tâm của bà An édée Rondeau.

Nơi đây, xin bà nhận lời cám ơn thành thật của chúng tôi.

Georges GRIMM

La Sagesse du Bouddha

TUỆ-GIÁC CỦA PHẬT

(1ère partie)

Le Mystère du Moi

Sự huyền-bí của cái Tôi

« Hỡi bạn thanh-niên hẩy cho ta biết, đều nào trọng hơn : tìm một người đàn-bà đi mất, hay là tìm bổn-ngã của các ngươi ? »

(MAHAVAGGA 1,14)

I

Vấn-đề căn-bổn

Vấn-đề căn-bổn của sự đời không phải là : *Cỏi đời là gì ?* mà chính là : *Tôi là gì ?* Bởi vì rất có lẻ rằng, nếu biết đặng *cái tôi*, tôi là gì, thì tôi không còn cảm thấy chút hứng-thú gì ở đời nữa (1).

---

(1) Nói « cái tôi » (TÔI), phải hiểu là bổn-lai thiệt tướng của tôi hay là bổn-thể của tôi tức là cái gì không thể nào mất mà tôi chẳng tiêu diệt theo, và để vấn-đề muốn biết « cái tôi » đó là gì lại một bên. Theo nghĩa đó, không thể nào không nhận « cai tôi » thật vậy, há chẳng phải chính « cái tôi » (bổ -ngã) của người không nhận thốt ra sự không nhận đó sao ? Hư-không tuyệt-đối không thể nào nhận cùng không nhận gì cả.

II

Ngoại-cảnh, cảnh-vật của giác-quan không phải là bổn-ngả của tôi

Những hình-thể tôi thấy bằng mắt, những thinh-âm tôi nghe bằng tai, những mùi tôi ngửi bằng mủi, những vị tôi nếm bằng lưỡi, những vật tôi đụng chạm bằng xát thân không có chút gì tương-quan với *chính-tôi*. Nếu cảnh-vật của giác-quan không còn nữa, tôi cũng vẫn còn ; sự tiêu-diệt của mấy thứ đó không động đến chơn-ngả của tôi. Vậy nên ngoại-cảnh tôi biết đặng do nơi giác-quan làm trung-gian không có chút gì tương-quan với chơn-ngả của tôi.

III

Những tư-tưởng không phải là bổn-ngả của tôi

Chúng ta có chẳng những năm, mà sáu giác-quan. Công-việc của giác-quan thứ sáu là suy tưởng và cơ-quan của nó là óc,

gồm luôn những phần-tử tinh-tế bằng quang chất. Cảnh-vật của (nội) giác-quan suy tưởng nầy là, phần thứ nhứt, tất cả cảnh-vật của năm ngoại giác-quan, và những sự tương-liên của mấy thứ đó, nói cách khác là : tất cả những hiện-tượng có thể có ở ngoại-giới. Dùng những hiện-tượng đó (ấn-tượng của ngoại giác-quan) làm nguyên-liệu, tôi tạo ra, do nơi cơ-quan tư-tưởng, những hình tư-tưởng, những quan-niệm và những ý-tưởng. Đều nầy là công việc đặc-biệt của tư-tưởng và những sản-vật của sự hành-động của nó : ý tưởng, quan-niệm, vân vân, hẳn không chút gì tương-quan với chơn-ngã của tôi, bởi vì tôi có thể để cho mấy thứ đó sanh ra hoặc không (1).

---

(1) Giác-quan suy tưởng (trí giác) lai còn có một cảnh-vật khác nửa : không-gian vô giới-hạn. Không-gian không thuộc về sự hoạt động của năm ngoại-giác quan mà khi sự hoạt-động của năm ngoại giác-quan hoàn toàn yên lặn thì tư tưởng thuần túy liền biết được không-gian. Vậy thì không gian, theo thật sự, là cảnh-vật trực-tiếp của trí-giác và mỗi khi chúng ta bắt đầu suy-tưởng thì, liền đó, ta thấy có không-gian. Mỗi khi một sự hoạt-động nào của ngoại giác-quan làm cho trí-giác lay-động thì tất-nhiên chúng ta cũng phải nhận thấy luôn không-gian nữa. Vậy nên chúng ta không thể biết một cảnh-vật nào của ngoại giác-quan mà không biết

luôn một lược khoãn không-gian của nó choán. Trái lại, chúng ta có thể chỉ biết không-gian (không có vật nào khác) khi chúng ta hướng dẫn cơ-quan tư-tưởng về phía không-gian mà thôi, (lúc đó chúng ta có sự tri-giác về không-gian vô giới-hạn). Chúng ta cũng có thể đẹp khoãn không-gian ra ngoài tư-tưởng của ta, và dầu vậy, chúng ta vẫn còn tưởng được, — muốn đặng vậy, chúng ta phải để cho sự hoạt-động của năm ngoại giác-quan được hoàn-toàn yên-lặn và, trí thật-định, chúng ta hướng dẫn cơ-quan tư-tưởng về ý-tưởng nầy: « đối với tôi, không còn có gì nữa ».

Vậy thì khoãn không gian cũng có thể đẹp ra ngoài ý-thức, chỉ còn có tư-tưởng: « Không còn có gì nữa » Và chẳng những có thể đẹp khoản không-gian ra ngoài ý-thức, mà chúng ta còn có thể nhận biết một cách trực tiếp và hoàn-toàn rằng khoản không gian không có chút gì tương quan với chúng ta hết (nghĩa là với chơn ngã của chúng ta).

Chúng ta hãy tưởng tượng sự không thể được: trọn khoản không gian ở ngoài thân-hình tôi bị tiêu-diệt. Việc ấy không động tới tôi chút nào. Còn lại vấn-đề cần biết khoản không gian mà thân hình tôi choán có cần yếu cho tôi không. Bây giờ chúng ta hãy tưởng-tượng rằng xác thân nầy vẫn còn sống nhưng nhỏ lần cho tới còn bằng đứa bé tí-hon. Chính tôi cũng sẽ không hao hớt chút nào vì sự thân-hình tôi thâu nhỏ lại như vậy, sự thâu nhỏ nầy kết cuộc làm cho nhỏ bớt khoãn không gian của thân-hình tôi choán. Tôi cũng sẽ còn biết tôi là « chính tôi » (toàn đẳng củng y như tôi luôn luôn đã có tự thuở nay), bất câu là thân hình tôi nhỏ hơn và khoản không gian của nó choán có bớt đi. Như thế, thật rỏ ràng là không-gian không có chút gì tương quan với chơn ngã của tôi. Không-gian chỉ là một yếu-kiện của sự tồn tại thân-hình tôi.

IV

Thân-hình không phải là bổn-ngả của tôi

Vậy tôi liên-lạc với xác-thân tôi bằng cách nào ? Xác-thân là một cơ-thể vật-chất, làm toàn bằng những vật liệu lấy ở ngoại giới và đồng-hóa mà hiệp thành một cơ-sở hóa-chất gọi là « xác-thân ». Sự đồng-hóa nầy cùng có một lúc với sự bài tiết những vật liệu đã dùng rồi (quá trình đồng-hóa và hoàn-nguyên).

Hẳn thật cái mà tôi gọi là thân-hình của tôi rỏ ràng và hẳn riêng biệt với tôi : cách trước đây không bao lâu, tất cã những vật liệu đó chỉ là những mãnh riêng-biệt ở ngoại-giới, rồi tôi dùng mà xây đấp nên thân-hình. Muốn thấy rỏ ràng hơn nữa, chúng ta chĩ tưởng-tượng tất cã nhửng vật-liệu hiện-tại trong thân-thể chúng ta đương còn nguyên-chất chưa đồng-hóa. Tức thì chúng ta sẽ thấy máu chúng ta chính là nước, vận-tãi những chất bổ-dưởng nhờ sự tiêu-hóa vận-động và biến-chất làm cho tan và phân-tách ra ; chúng ta cũng sẽ xem thấy, thế nào xương-thịt chúng ta nhờ vật-liệu mới bồi bổ, thế nào những vật liệu đã dùng rồi, và vì lẽ đó mà không thích-hợp cho sự bảo-tồn thân thể, nhờ máu cuốn trôi đem đến mấy cơ-quan

bài-tiết (1). Như thế, chúng ta được thấy trọn cã thân-thể, tất cã các phần và các khí quan, cũng như một chỗ kết hợp những vật-liệu rút ở ngoại-giới, sự kết hợp mà « tôi » trông nom, nghĩa là làm cho điều-hòa sự thâu-nhập cùng sự bài-tiết. Thật rỏ ràng tôi không phải là một cơ-thể, mà chính là tôi có một cơ-thể.

V

Sức nhận-biết không phải bổn ngã của tôi

Những công-việc gọi là công-việc tinh thần là những công-việc của mấy cơ-quan của giác-quan, mấy cơ quan đó theo như chúng ta đã thấy làm toàn bằng những vật liệu ở ngoại giới (cách hóa hợp những vật liệu đó trong cơ-thể phức-tạp gọi là thân-hình như thế nào, không mấy quan-trọng) : tôi thấy những hình-thể bằng *mắt*, tôi nghe những thinh âm bằng *tai*. tôi ngửi những mùi bằng *mũi*, tôi nếm những vị bằng *lưỡi*, tôi đụng chạm những vật thể bằng *xác thân* và tôi suy nghĩ những ý-tưởng (quan

(1) Nhiệt độ trong thân-thể, đối với tôi còn riêng biệt hơn những vật liệu làm nên thân-thể tôi ; thật vậy nó chỉ là kết quã của quá trình nhiên thiêu lần lần những vật liệu đó, bởi sự đồng-hóa và hoàn-nguyên.

niệm và phân-tích) bằng *tinh-thần*, có óc làm cơ-quan. Nếu tôi không có cơ-quan của giác-quan. hay, hơn nữa, nếu tôi không có óc làm cơ-quan của trí-tưởng, thì tôi sẽ không thể thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng chạm, tư-tưởng được. Công việc của trí-tưởng, hay gọi là công-việc tinh-thần đều liên lạc với mấy cơ-quan của giác-quan — luôn về óc — và phải phụ-thuộc chúng nó. Những cơ-quan đó là những phần-tử của thân thể ta và — như chúng ta đã thấy — làm toàn bằng những vật liệu ở ngoại giới.

Vì thế, thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng chạm và tưởng, chính là cảm-xúc những cảm-giác và tri-giác. Khi tôi thấy một hình-thể bằng mắt thì một cảm-giác và một tri-giác về sự thấy nãy sanh.

Khi tôi nghe một thinh-âm bằng tai thì một cảm-giác và một trị-giác về sự nghe nảy sanh, với mấy khí-quan khác đối với cảnh-vật của mấy khí-quan đó thì cũng thế, những cảm-giác và những tri-giác riêng biệt đồng thời nãy sanh.

Cũng giống như thế, *nhận-biết* hay là có ý-thức chính là có những cảm-giác và tri-giác. Thế thì, chúng ta có thể xét thấy chắc-chắn rằng chẳng những thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng chạm và tưởng không cần-yếu cho chúng-ta,

mà cho đến *mấy* thứ phụ-thuộc nhửng quan-năng: cãm-giác và tri-giác, nói tóm là tất cả sự nhận biết, tất cã ý-thức cũng không cần-yếu cho chúng ta, không cần-yếu cho chơn-ngã của chúng ta. Nếu nhửng cơ-quan mà nhờ đó tôi tạo ra được vật nào, đối với tôi cũng riêng biệt, thì nhửng *sãn-vật* của mấy cơ-quan đó còn riêng biệt với tôi biết bao nhiêu!

VI

Tôi không phải là một « linh-hồn » hay là linh-thể

Theo như đều mới thuyết-minh đó, bây giờ ta nhận-biết thân-thể là một khí-cụ để cho ta dùng mà thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng-chạm và *tư-tưởng* mọi vật phức-tạp ở ngoại-giới. Tóm lại, nó chỉ là một cái máy để nhận-thức và, đồng thời, là phương-thế độc-nhứt để tiếp-xúc với đời Khi xát-thân chết, tất cã tri-giác chết theo, vì vậy ở trong thân, không thể có hồn, thực thể ức-đoán có ý-thức riêng, nhoài xác-thân và mấy cơ-quan của giác-quan.

Viện lẻ rằng có thể có tâm-thức mà không cơ-quan của giác-quan thì chẳng khác nào

nói có sự tiêu-hóa mà không bao-tử. Nếu tôi có được một linh-hồn có ý-thức, riêng biệt với những cơ-quan của giác-quan thì lẻ nào tôi chẳng có thể thấy được dầu khi sanh ra tôi đã đui mù? Hay là nghe được dầu điếc từ lúc sơ sanh? Lý-thuyết đó thật phi-lý. Cảm-giác, tri giác, những hành-động của trí-ý và tâm-thức đều liên-lạc với sáu cơ-quan của giác-quan vá phụ thuộc chúng nó. Những cơ-quan của giác-quan phụ thuộc xác-thân và xác-thân tự nó cũng phụ-thuộc những vật liệu ở ngoại giới. Nói cho đúng, tôi có thể nói rằng «tôi thấy, tôi nghe, tôi tư-tưởng» không đích-xát chút nào cũng như thợ máy có thể nói rằng «tôi tung khói, tung hơi nước, tro bụi» không đích-xát chúc nào, hởi vì người thợ máy chỉ có làm cho cái máy của người ta giao cho va, tung khói, tung hơi nước, tro bụi mà thôi; thì cũng thế, tôi cho phép ý-chí tôi phát hiện ra đặng dùng cái máy nhận-thức của tôi mà sanh ra những cảm-giác, tri-giác, những sự hoạt-động của trí-ý và ý-thức. Hơn nửa, nếu nghiên cứu kỷ-cang, thì có thể hiểu thấu tận gốc cái máy nhận-thức nầy, hiểu thấu tất cả các bộ phận và tác-dụng của chúng nó, có thể dùng tri-thức của chúng ta mà bình luận và chỉ-huy những hành-vi nhận-thức của ta,

Khi không nhận một linh-hồn có ý-thức hay là linh-thể riêng biệt xác-thân, như thế, Đức Phật vạch một đường giới-hạn phân-cách hẳn ngài với những vị giáo-chủ khác.

VII

Ý-chí không phải là bổn-ngã của tôi

Tại có ham-muốn hay là ý-chỉ mà tôi bị dính vô cái máy nhận-thức nầy: tôi muốn có một xát thân và tôi muốn dùng nó. Tôi ráng sức làm cho thỏa ý chí đó — cho đến chừng nào nó còn muốn những hành-vi nhận-thức — bằng sáu cơ-quan của giác quan và — cho đến chừng nào nó còn muốn duy-trì những hành-vi nhận thức đó — bằng những cơ-năng sinh-lý (hô-hấp, huyết-mạch tuần-hoàn, vân vân) để bảo-tồn thân-thể. Mà, trái lại, ý-chí đó cũng không cần-thiết cho tôi nửa; quả vậy, nó có phát-động là tùy những điều-kiện, như thế nầy: khi tôi cho một vật nào của tôi biết là đáng muốn và xứng ý tôi. Nếu tôi nhận biết rằng thấy một món nào chỉ làm cho tôi đau khổ thì ý-chí hay là lòng ước-ao thấy món đó tiêu mất nơi tôi. Nếu tôi thấy và nhận biết rằng cả-thảy những hình-thể do nơi sự thấy mà nhập vào ý-

thức tôi, chỉ có thể làm cho tôi đau-khổ thì tất cả ý-chí và lòng ham-muốn những hình-thể sẽ tiêu mất không còn nghi ngờ được nửa, mà vẫn không động đến sự tồn-tại của tôi. Cũng giống như thế, mỗi khi tôi tìm phương làm cho thỏa ý-chí của tôi bằng những sự hoạt-động của mấy cơ-quan của giác-quan khác, kể luôn về tri-giác, Nếu mà, một ngày kia, tôi nhận biết minh-bạch rằng cả thảy cảnh-vật của sáu giác-quan chỉ đem sự đau-khổ cho tôi, thì chắc rằng, sự ham-muốn của tôi đối với mọi vật đều tan mất; tôi sẽ không còn ý-chí, không còn ham-muốn, mà tôi cũng sẽ tồn-tại như thường. Ý-chí phát hiện ra chỉ do nơi những điều-kiện nhứt định và tiêu mất là do những điều kiện khác, nhưng dầu hiện ra hay mất đi, nó cũng khôug động đến chơn-ngã của tôi.

Thế thì ý-chí của tôi cũng không phải là bổn-ngả của tôi.

VIII

Chơn-ngã

Nếu bây giờ tôi gom hết mấy phần-tử mà tôi đã tìm ra là không cấu-thành bổn-ngả của tôi, nghĩa là ngờại-vật, xát-thân, hành vi nhân - thức và ý-chí, và nếu tôi tách

mấy thứ đó ra ngoài bổn-ngã của tôi thì cái nào còn lại là chính bổn-thể của tôi.

Những phần-tử mà chúng ta đã loại ra đó, đức Phật gọi là : Upadhi — nghĩa là thuộc-tánh bởi vì tôi tự chiếm lấy những món đó, dầu rằng, theo thật sự, chúng nó không có chút gì tương-quan với tôi cã. Nếu tôi xem kỷ mấy phần-tử của nhơn-tánh tôi nhận thấy chúng nó cấu thành và gồm hết mọi thứ có thể biết được nơi tôi và giao-tiếp với tôi. Nếu ý-chí, tâm-thức, thân-thể gồm có cơ-quan của giác-quan, và cảnh-vật của giác-quan mất hết thì còn lại những gì cho sự nhận-thức? Lấy theo tự nghĩa và theo thật sự thì không còn lại *gì* cả ; *tất cả* đều *không còn* tồn-tại. Nhưng vậy, rỏ ràng là cái *tất-cã* đó chỉ là tất-cã cái có thể biết được, và cái «*không*», còn lại đó, chỉ là cái *không-thể biết được*. Thế nào và vì sao mà cái *không*, còn lại đó, là cái không tương-đối và chẳng phải là cái không tuyệt-đối? Lẻ rất dễ hiểu. Chúng ta chỉ lấy đi những phần-tử có thể biết được nơi bổn-ngã của chúng ta, những thứ mà chúng ta nhận biết là Upadhi, thuộc tánh không cần thiết cho bổn-ngã, và cọng chung lại như chúng ta đã xét đoán ra — cấu thành và gồm trọn hết *phi-ngã, cái không phải là tôi*. Cái «không gì hết» còn lại là hư-

vô, chỉ tương đối với một quá-trình có điều-kiện, quá-trình nhận thức. Nói tôi không là «gì hết» theo nghĩa nầy, chính là nói bổn-ngã của tôi không thể nhận-biết được, tôi không là thứ gì có thể biết được, không thứ gì ở cỏi đời — cỏi đời, như chúng ta đã thấy, chỉ là một sự tập hợp những vật có thể biết được. Bởi vậy, chơn-ngã của tôi là *cái không thể nhận biết*, *cái không thể diễn-tả*, *cái không thể dò*, cái ở ngoài sự nhận biết.

IX

Phật ngôn

« Cái ở trong vòng những vật có thể diễn-tã, có thể giảng-giải, là cơ-thể vật chất, và, luôn với nó, ý-thức (sự nhận biết) .» (— Ở trong ý-thức là cũng kể luôn cả thảy vật của nó chứa). (**Digha Nikâya,** II. *p. 63)*

« Cơ-thể hửu hình là cái lẻ, cơ-thể hửu hình là nguyên-do vì đó mà cảm-giác, tri-giác, hành vi tri-ý, ý-thức (nhận-thức) có thể hiện ra.»
(**Majjhima Nikâya** III. *p. 17)*

« Bây giờ, một vị sư nhận rỏ, một cách minh triết đúng mực, rằng mọi thứ hình-thể vật-chất

mọi thứ cẫm-giác, mọi thứ tri-giác, mọi thứ hành-động của tri-ý, trọn cả ý-thức (nhận-thức) — nhận rỏ đúng y sự thật rằng: « Cái nầy không thuộc về của tôi, tôi không phải là cái nầy, cái nầy không phải là bỗn-ngã của tôi » và, vì người không còn dính vô đâu hết, nên người là hoàn-toàn giãi-thoát (1) ».

(**Majjhima Nikâya**, I, *p.* 235)

« Hởi sác sư, nếu một người nào đem tất cã cỏ rát và nhánh nhỏ, cành to và lá cây trong rừng Jêta nầy đi, nếu người đó đem đốt hết hay là tùy ý dùng cách nào khác, thì mấy vị có tưởng như vầy không: « Người đó đem chúng tôi đi, đốt cháy chúng tôi hay là dùng chúng tôi tùy theo ý người ? »

— Quã thật kkông, bạch đức Chí-tôn. » — « Và tại sao vậy ? »

---

(1) Những chử: « Cái nầy không thuộc về của tôi; tôi không phải là cái nầy, cái nầy không phải là bỗn ngã của tôi » lập thành đại-thể-thức của giáo-lý của Phật, trọn cã giáo-lý của ngài đều gom vô đó. Câu thể-thức đó tóm lại trong tư-tưởng « Anattâ ». Theo tự n hĩa, chữ « Anattâ » nghĩa là « phi-ngã » và lập thành ra chữ tóm tắt đại-thể-thức nói trên kia. Tự đức Phật cũng nói: « Anattâ, nghĩa là: Cái nầy không thuộc về tôi, tôi không phải là cái nầy, cái nầy không phải là bỗn ngã của tôi ». (Samyutta—Nikâya, IV, p 1).

— « Quả thật, bạch đức Chí-tôn, đó không phải là chúng tôi và cái đó không thuộc về của chúng tôi ». -- « Thì cũng thế, hởi mấy sư, quã thật, dầu xác thân dầu cãm giác, dầu trí-giác, dầu hành-vi trí-ý, dầu ý-thức (sự nhận thức) cũng không thuộc về của mấy vị. — Vậy hãy từ bỏ nó đi sự từ bỏ như thế sẽ thành ra hạnh phước của mấy vị, sẻ thành ra sự cứu rỗi của mấy vị ». (**Samyutta Nikâya** III, *p. 33 et suivre*)

« Tất cã hình thể vật chất, tất cã cãm-giác, tất cã tri-giác, tất cã hành-vi trí-ý, tất cã ý-thức (trí-thức) nào mà người ta có thể nghĩ tới, khi nói đến một vị « Trọn lành » thì người đã vượt khỏi, đã diệt tận rể và chúng nó không thể nào tái sanh lại trong khoản thời-gian nào sẽ tới nữa. Đứng « Trọn lành » là trên cã mọi thứ có thể hiểu được do nơi những thứ mà chúng ta gọi là hình-thể vật-chất, cãm-giác, tri-giác, hành-vi trí-ý, ý-thức. Người giống như biển cã không thể diễn tã, không thể xát-định, không thể dò được.

Nếu nói : « Người còn » là sái, mà nếu nói : « Người không còn » cũng sái.

(**Majjhima Nikâya**, I, *p. 487 và tiếp theo*)

Cái tôi đau khổ

X

Ý-chí, tạo-tác không ngừng

Dầu đến bao giờ người ta vẫn luôn luôn cần phải tìm hiểu cho thật tỏ rỏ rằng cơ-thể vật-chất đối với ta là hoàn-toàn riêng biệt, nó không phải là bổn-ngả. Thật vậy, khi nào người sẽ hiểu được như thế, người cũng sẽ nhận biết rằng khởi-thủy và kết-cuộc của xát-thân không phải, không thể là khởi-thủy *của tôi*, cũng không thể là kết cuộc *của tôi*. Mà, nếu tôi không phải là xát thân nầy thì làm thế nào mà tôi có nó? Việc đó, người ta sẽ trả lời: « Thì đó là do nơi sự giao-hiệp của cha người và mẹ người chớ đâu ». Nhưng tôi có thể biện bác rằng: « Hột giống của cha tôi và mẹ tôi ung-đúc có ăn-nhập gì tới *tôi*, tôi đã có từ trước kia mà? » Thật thế, hột giống đó, hay là dầu cho hột giống nào ung-đúc chỗ khác đi nửa cũng không ăn-nhập gì tới tôi hết. Vậy thì rỏ là khi có sự giao hiệp rồi, tôi phải có dự vào một phần, thế nầy hay thế khác. Nhơn vì có tôi dự vào mà hột giống thành ra hột giống

của tôi và kế-tiếp thành ra xát thân *của tôi.* Mà lúc nào và làm cách nào mà một vật gì trở nên của tôi ? Thí-dụ, khi nào một trái mận dính trên nhánh cây lại trở nên trái mận *của tôi*? Không khi nào trước lúc tôi chiếm đoạt nó, trước lúc tôi *nắm* lấy nó. Mà khi nào tôi mới chiếm đoạt nó, nắm lấy nó? Khi tôi *thích* nó nghĩa là khi tôi *muốn* được nó. Nếu tôi không thích trái mận đó, nếu tôi không nắm lấy nó thì nó sẽ không trở nên trái mận *của tôi.* Thì cũng thế, hột giống của cha mẹ tôi ung-đúc trở nên hột giống của tôi là bởi tại tôi đã nắm lấy nó, tôi đã bám chặt lấy nó; rồi khi hột giống đó phát triển thành ra cơ-thể vật chất, thì bấy giờ nó trở nên cơ-thể vật-chất *của tôi.* Và tôi đã nắm lấy hột giống đó tôi đã bám chặt lấy nó bởi vì tôi có ưa, có ch, dùng cách đó đặng tạo cho tôi một cơ-thể vật-chất. Thế thì tại *chí tôi* muốn có một xát thân khiến cho tôi chiếm hột giống của cha mẹ tôi ung-đúc, ở trong mình mẹ tôi, cũng như hiện thời chí tôi muốn dùng luôn luôn xát-thân nầy đặng cảm-giác cỏi đời.

Mà trước khi tượng thai, vì đâu tôi lại muốn có một xát-thân như thế? Cũng như đã nói trước kia, chúng ta cần dùng một xát thân đặng thấy những hình-thể, đặng nghe những

thinh-âm, hưởi những mùi, nếm những vị, rờ đụng những vật có thể rờ đụng được và suy nghĩ ra những ý-tưởng, hay là, cũng một nghĩa đó, đặng dùng xác thân nầy mà cảm-giác và tri-giác ngoại-vật, bởi xác-thân chúng ta là cái máy sanh những cẫm-giác và tri-giác, tóm lại, là cái máy nhận-thức. Bởi vậy chúng ta muốn có một xác-thân là chỉ vì mục đích đó mà thôi. Thật thế, kẽ nào không muốn thấy gì hết thì không còn lo ngại dầu cho cả thảy thứ gì — Trong xác-thân nầy — làm cho người có thể thấy được, đều tiêu mất — Và kẻ nào không còn thích nghe, không còn thích hưởi, nếm, rờ đụng, thì dầu cho người còn núm-niếu xác-thân của người là vì người còn xem nó như một khí-cụ cần-thiết cho sự động-tác của tư-tưởng, khí-cụ đó người xét là còn cần-kíp. Mà kẻ nào cũng chán luôn hết tất cả tư-tưởng thì không còn quan-tâm đến xác-thân của người được còn tồn tại vì nó không ích gì cho người nửa Do lẻ nầy thì xác-thân chỉ làm trung-gian để cho ta có thể cảm giác và tri-giác những đều xảy ra ở trong đời. Vậy nên, nếu trước khi tượng thai mà chúng ta đã thích, đã muốn có một xác-thân và vì lẻ đó, chúng ta bám vào hột giống của cha mẹ chúng ta ung-đúc (hột giống sau thành ra xác-thân của

chúng ta) là bởi chí-muốn đó, sự ưa-thích đó chẳng qua là một chí-muốn, một sự ưa-thích được cảm-giác và trí-giác những hiện-tượng ở trong đời bằng cách đó. Vậy đều mà chúng ta muốn là vui hưởng những hiện-tượng đó; chúng ta muốn nhờ xát-thần nầy — cái máy có sáu giác-quan — tiếp-xúc với những sự đó. Thế thì, trước khi nắm lấy xác-thân hiện-thời của tôi, tôi chỉ có thể ước-ao cảm-giác những hiện-tượng ở trong đời là khi nào tôi đã có cảm-giác những thứ đó một lần rồi, nghĩa là đã nếm rồi. Tôi không thể thèm muốn thứ gì tôi không biết. Do lẻ đó thì trước khi cấu tạo xác-thân hiện-thời của tôi, tôi đã phải thấy, nghe, hưỡi, nếm và đụng chạm những hiện-tượng của cỏi đời rồi, sự như thế mà có thể được là nhờ một cơ-thể hữu-hình làm trung-gian, cũng như hiện bây giờ, tôi có thể cảm-xúc những hiện-tượng đó là nhờ mấy giác-quan. Vậy thì, trước khi có cơ-thể hửu-hình hiện-thời của tôi, tôi đã có một cái khác, nhờ đó mà tôi đã giao-tiếp với cỏi đời rồi. Từ lúc đó tôi đã tập mến đời và từ thời-kỳ đó là có ý-chí — khi xác-thân của tôi lúc trước đã tiêu-diệt — làm cho tôi bám hột giống của cha mẹ hiện thời của tôi ung-đúc, đặng tôi cấu tạo cho tôi một xát-thân mới, cho tôi có thể nhớ những

bộ-phận giác-quan mà nếm mùi đời lần nửa.

Mà làm thế nào tôi vào làm chủ xác-thân trước cái của tôi có hiện-giờ? Đúng một cách như tôi đã vào làm chủ xác-thân sau chót: đều mà quyến rủ tôi lại hột giống nhờ đó cấu tạo ra xác-thân cũng do nơi sự ưa thích, chỉ muốn làm chủ một xác-thân, chỉ muốn đó do nơi đã dùng một xác-thân trước nửa và lần lần như vậy, trở về trước thì mịt mù trong quá-vảng vô-thủy, còn về sau thì cũng nối tiếp-xúc với bằng một cơ-thể hửu-hình. Cũng theo lẽ đó, khi xác-thân về tương-lai đó mất đi, tôi sẻ cấu tạo một xác-thân mới theo như cách đó, và sau cái nầy tới cái khác, đời nầy trải qua đời khác. Dây tái-sanh luân-chuyển của chúng ta không-dứt.

Kẽ nào suy-nghĩ tường-tận những đều nói đó sẽ tìm ra rằng sự tái-sanh là kết-quã của sự dĩ-nhiên mà bổn-thể chúng ta là bất-diệt và riêng biệt với số mạng cơ-thể hữu-hình của chúng ta : nếu sự khởi-thũy, sự kết-cuộc của cơ-thể nầy không động đến tôi, nếu những sự đổi-thay nào, và lẽ đó, thời-gian không hề làm gì tôi đặng, thì trước kia, về thời-gian nào cũng đã có tôi, sau nầy, về thời-gian nào cũng đã có tôi, sau nầy, về thời-gian nào cũng sẽ có tôi. Thật vậy, vừa khi mà tôi đã *muốn* là

tôi đã làm chủ một cơ-thể hữu-hình. Cũng như từ trước cho tới bây giờ, chúng ta đã muốn làm chủ cơ-thể nầy, đều nầy ý chí của ta chứng thật cho ta biết: rồi tới bây giờ đây, ta cũng còn mến luyến xát thân nầy. Và nếu ta sẽ còn mến luyến tới chừng nào thì chúng ta không cần lo-ngại chúng ta sẽ có một thân hình cùng chăng: *chí muốn sống đảm bảo cuộc sống.* Vô số kiếp luân-hồi tái-sanh của chúng ta là gương để cho ta soi đích bổn-thể của chúng ta, *cõi đời vô-lượng vô-biên là thước đo sự vĩ-đại đích thật của ta, luôn luôn vẫn trỗi hơn.*

Nếu người khuyên chúng ta và, kẽ đương-thời chúng ta, suy nghĩ những tư-tưởng như thế là vì người muốn cho chúng ta có ý-thức về sự vĩ-đại của chúng ta đó thôi.

XI

Trong mấy cuộc viễn-hành của tôi trong cỏi đời, tôi cảm-xúc đủ hết mọi thứ cảm-giác

Vậy thì, chẳng phải là *tôi* biến đổi luôn mà chính là cơ-thể vật-chất của tôi (mục-đích trực-tiếp của ý-chí tôi) và cảnh-vật giác-quan

mà cơ-thể tôi nhận biết. Tuy vậy, quã là *tôi* để cho đông đến tôi những cãm-giác luôn luôn thay đổi, phát sanh bởi cơ-thể luôn luôn biến đổi. Đó là sự thật, chẳng những trong khoãn ngắn-ngũi của kiếp đương thời, từ sanh ra cho tới chết, mà trong ngàn triệu kiếp sống trãi qua, vô số thời đợi sanh-tồn cũng cứ xây mãi như thế trong vòng vô-tận. Trong những thời đợi không thể đếm xiết đã trãi qua đó, tất cã cãm-giác có thể có, tràn ngập lấy tôi, vừa là kẽ tạo ra chúng nó và kẽ tạo ra chúng nó và là kẽ bị chúng nó và là kẽ bị chúng nó hại. Tôi đã cãm thấy không biết bao nhiêu lần những cãm-giác của sự chết và sự tái-sanh, cứ luôn luôn kế tiếp nhau không dứt. Sự như thế lưu liên không dứt, từ đời vô-thủy tới nay, tôi đã phải chịu và đã đạu khổ đũ mọi đường: Khi thì ốm-đau, lăn-lộn, nằm chết trên giường; khi thì chết nơi trận-địa; khi khác nữa thì làm kẻ sát-nhơn bị chết chém, và cứ như thế mãi, vô cùng tận....

XII

Cã thãy đều là đau-khổ vô-cùng-tận

Thế thì, tôi bị bao vây trong biển-khổ, những lượn sống đau khổ dập-dồn chụp tôi không

ngớt. Mọi đều tôi cãm thấy biến đổi luôn luôn; vui nào cũng có khi hết, khổ thì trở lại không sai. Mỗi việc vui lòng (cho đến trong lúc chúng ta đương vui) cũng vui không trọn khi tưởng tới rằng rồi đây vui cũng sẻ hết, luôn cho đến cái món sanh ra sự vui cũng không còn, và sẻ có một sự đau khổ tương đương thế lại. Sự đau khổ to hơn hết thì, đã chắc hẳn, là sự đau khổ hiện ra trong lúc ta thấy cãnh-giới của giác-quan mất trọn trong lúc chết. Chúng ta, bây giờ, đích thật là bị chìm-đắm trong sự đau khổ... cho đến khi chúng ta hiện trở lại trong một hình-thể mới, trong một kiếp sống khác, chịu những cãm-giác mới, sự già cỗi mới, sự chết mới... Vậy hỏi người nào khi thật hiểu rỏ cái vòng đau khổ vô-tận đó, mà chẳng ước mong được giải-thoát ?

XIII

Khó mà nhận biết rỏ rằng mọi sự sống còn là khổ

Người biết suy-xét quan-sát trong cảnh giông tố vô thường của cỏi đời, đủ mọi phương-diện của hạnh-phúc : Nào cuộc chơi đùa của trẻ con, sự vui sướng của đôi tình-nhơn niên-thiếu, những

sự vui về vật-dục, hạnh-phước của người mẹ yêu con. Người biết cảnh vui cực-điểm, nghe những tiếng vui mừng của những kẻ được thỏa lòng ước-nguyện. Mà trên những sự đó, ngoài những sự đó, người biết và nghe những dọng than van của cha mẹ khi mất con, sự đau-đớn của kẻ tật bịnh, sự buồn rầu của những kẻ nặng lòng lo lắn, sự tuyệt-vọng của những người nghèo-khổ và những kẻ bị bỏ-bê. sự hải hùng của kẽ hấp-hối chết... Nhưng vậy chỉ có bực minh-triết, người thật có trí mới thấy được sự đau khổ một cách tỏ tường như vậy. Hạng thường nhơn *không muốn thấy*. Người nhắm mắt bịch tai đối với mọi sự có thể làm trở ngại lòng khát-khao những cảm-giác thích-ý. Người để kẻ cùng-khổ vào bần-viện, kẻ tật-bịnh vô nhà thương, kẻ mất trí vô nhà điên, kẻ sát-nhơn vô ngục-thất, đặng có thế bình-yên mà hưởng cái ảo-mộng một cỏi đời vui thích. Người lại còn muốn (và hẳn làm) cho sự chết được có vẻ nên thơ nên ráng dấu cái mùi gớm-ghiết thúi-tha dưới đám bông hoa tươi tốt. Nhưng có thế nào người ta ráng dấu-diếm cảnh khổ-nàn như vậy mà làm cho nó bớt được chăng? Hay là ráng quên sự đau-khổ mà làm cho nó giảm được chăng? Người nào mà biết được cảnh hắc-ám của kiếp sống thì có

còn cho kiếp sống đó có đều gì đáng say mê nữa không ? (1)

---

(1) Thật rất khó mà biết cho đúng giá-trị của cuộc đời. Nhận-thức-lực của ta mở-mang ít quá (vừa cao hơn nhận-thức lực của con thú tấn-hóa hơn hết một bực mà thôi) nên chúng ta chỉ có thể nhận được một khoãn rất ngắn của cuộc đời, nghĩa là, thường thường, hiện cái lúc chúng ta đương sống. Đã nhận cái khuyết điểm thông-thường về đường tri-thức đó, chúng ta hãy thử tưởng-tượng một kiếp sống 80 năm, với tất cã mọi đều kinh nghiệm của kiếp sống đó, rút ngắn lại trong khoãn ít hơn một giờ. Chúng ta sẽ thấy, «trong vài phút», đứa bé trở nên đứa nhỏ, đứa nhỏ trở nên trai trẻ, đứa trai-trẻ trở nên người thanh-niên, người thanh-niện có ái-tình rồi có vợ, ôm ấp vợ, rồi vợ cũng như chồng, mỗi lúc một già (mất vẽ yêu-kiều, mê-đắm, sắc đẹp, cường-tráng, và giờ khắc càng qua thì càng trở nên yếu-đuối, xấu-xa, rưng khòm, đau nhức, rụng răng, già khọm) ; và trong khi người đó tự hỏi lấy mình : «Nghĩa gì mà có mấy thứ đó ?» chúng ta sẻ thấy cho đến sự hiểu biết của người cũng tiêu mất trong khi hấp-hối cúi cùng. Hình-ảnh rất đúng của cuộc đời thấy ngắn lại như thế, chĩ cho ta thấy một cách rỏ-ràng đặc-biệt lằng tất cã cảnh-huống và các đều kinh-nghiệm đã đến cho ta đều không đáng giá là bao. Những tình-thế của sự sống còn sẻ còn thấy ghê sợ hơn nữa, nếu chúng ta suy-nghĩ rằng cã thãy sự đó cứ trương ra không dứt.

XIV

Những sự vui-thích giác-quan là sự khốn-khổ bực nhứt

Chúng ta chỉ muốn những cảm-giác thích-ý, những cảm-giác trung-bình thì chúng ta không màng; còn những cảm-giác trái ý thì chúng ta tìm hết phương thế đặng tránh. Nhưng vậy, những cảm-giác thích-ý (những sự vui thích giác quan theo nghĩa rộng hơn hết, tự nhiên là kể luôn những sự vui về tư-tưởng) là những thứ hại hơn hết. Thường-nhơn khó hiểu được đều nầy, dầu mấy vị giáo-chủ đều đồng-ý về vấn đề đặc-biệt nầy (những quan-niệm khác của mấy đấng ấy ra sao không kể). Chẳng những đức Phật và tín-đồ của ngài, mà cho đến giáo-hội và mấy vị thánh trong cơ-đốc-giáo (thật ra thì tất cả lảo-sư của mấy tôn-giáo lớn) đều cảnh-cáo chúng ta đề phòng những sự vui-thích giác-quan : đó là, mấy vị ấy nói, những đều nguy-hiểm hơn hết bao vây con người. Tức nhiên, chúng ta chớ nên quên rằng những bực đức-hạnh tối-cao và sáng suốt nhiều đó, chỉ một lòng tìm kiếm hạnh-phước cho mình và cho kẻ khác. Lẻ đó (lòng muốn thảnh-thơi) sẽ khiến mấy ngài tự

hưởng những sự vui-thích về giác-quan và khuyên kẻ khác làm theo, nếu mấy ngài không tự mình đã tìm ra rằng sự phóng-túng như thế tất không tránh khỏi đem người đến chỗ *khổ-sở*. Hay là trái lại, như đức Phật đã tuyên-bố : « Nếu như, hởi mấy sư, sự thắng đoạt sự quấy dắc tới cảnh khổ và tới chỗ chết thì ta sẻ không nói với mấy vị : mấy vị phải thắng đều quấy » (vật-dục). Tóm lại, giáo-lý của đức Phật—về sự ham muốn đó («Tanhâ», sự khao-khát những cảm-giác) và cách thế trừ bỏ nó — là như vầy : lòng ham-muốn những sự vui-thích về giác-quan áp-bức chúng ta, và chúng ta tìm phương thỏa-mản những sự ham-muốn đó bằng mấy bộ-phận giác-quan, bởi vì *sự không được thỏa mản* lòng ham-muốn làm cho ta buồn rầu và khổ nảo. « Muốn đều chi mà không được, đó là khổ nảo », và, quả thật, chúng ta tránh sự khổ-nảo đó như tránh bịnh dịch. Vậy nên mục-đích của chúng ta là muốn được tất cả những sự vui thích có thể có được. Khốn nạn thay lòng ham muốn, theo tánh chất nó, là *vô cùng ;* bởi vậy, không khi nào mà lòng ham-muốn được hoàn-toàn thỏa-mản. Vì thế mà chúng ta bị lôi kéo theo đuổi mải sự vui-thích (sự phấn-khích đời đời) không khi nào hết ; lòng ham-muốn mỗi lần

được tạm thời thỏa-mản là càng tăng thêm mảnh-lực cho đến khi, rốt cuộc có một quyền-lực ghê gớm. Hơn nữa — sức mạnh chất chứa của ý-chí để lại một bên — mọi sự vui thích giác-quan biến thành đau-khổ không thế nào tránh khởi, khi nguyên-nhân sanh ra sự vui thích đó mất đi : sự vui càng lớn, sự khổ sẻ càng to. « Món ăn và món uống biến thành phân và nước tiểu, những sự vui thích biến thành khổ nảo », đức Phật nói một cách hợp lý theo thường lệ của ngài. Tất cả những sự vui thích giác-quan đồng có tánh đặc biệt *không khi nào thỏa-mản* và dắt theo sự khổ nảo, đó là đều khả-ố thứ nhứt đối với người có trí suy xét.

Phương diện thứ nhì của chúng nó, còn hại hơn nữa, là chúng nó thành *mối ngăn trở trực tiếp của chơn hạnh-phước.* Sự hạnh-phước nầy ở trong sự bỏ hết lòng ham-muốn. *Tắt lòng ham-muốn* đem cho chúng ta sự yên-tịnh vô-biên : khi đã không còn ham-muốn, chúng ta sẽ không còn cực-nhọc, không còn thống-khổ ; không còn thứ gì làm cho chúng ta lo ngại nữa (1).

---

(1) Bực đã giải-thoát lòng ham-muốn có, thì cũng cỗi được sự lo-ngại và sự khổ-não của lòng ham muốn đó gây nên. Cũng ví như những kẽ đã thôi

Sự tắt trọn lòng ham-muốn và sự vui tột bực trong cỏi lòng đi cặp với nó, mấy vị thánh-hiền trong tất cả mấy tôn-giáo đều có tán dương va kinh-nghiệm, khi mấy ngài đã diệt được lòng ham muốn nguy-hiểm. Mấy vị đó từ bỏ và khinh rẻ những sự vui thích giả dối và chóng tàn của giác-quan ; chẳng những mấy ngài xem chúng nó là gớm ghiết và tầm thường (sự vui thích càng tầm thường bao nhiêu càng thêm gớm ghiết bấy nhiêu) mà mấy ngài lại còn nhận biết rỏ rằng những sự

---

tìm kiếm danh-vọng ở thế-gian, sự tôn trọng của đời, vân vân. Lẽ dĩ nhiên, người bỏ được mọi đều ham-muốn thì còn hữu phước hơn kẽ được « cã thãy » của-cãi và danh-vọng ở thế-gian. Mỗi người trong hai người đó đều có « đũ mọi sự của họ ham muốn » nhưng mà ý-chí của kẽ không gì hết, h àn-toàn thõa-mãn, sẽ được yên-tịnh, còn ý-chí của kẽ kia, không được thõa-mãn, sẽ rố -loạn và tăng thêm. Kẽ sau đó nhìn xem sự vô-thường của sự-sãn người rồi sẽ hô lên, như vua Salomon: « Ão-mộng, ão-mộng, tất cã đều là ão-mộng ! » Vì lẽ nầy, dầu không có lẽ nào khác nữa, sự « tự mình muốn » từ bõ (bõ sự ưa muốn sau khi đã nhận biết rõ tán độc-hại của nó) là con đường chắc hơn hết dắt tới chơn hạnh-phước, còn nếu chất cho càng nhiều thêm của-cãi thích-ý mới, là cách chắc-chắn đi đến cãnh khốn-khổ. Hơn nữa, chúng ta chớ nên quên rằng ít kẽ được giàu có, danh vọng, tôn-trọng, v. v. còn mọi người đều có thể trở nên nghèo bởi nơi tự mình muốn từ bỏ.

vui-thích đó làm cho ta càng xa lần chơn hạnh-phước.

Trong việc tìm kiếm « sự phải », « sự yên-tịnh tuyệt vời không chi hơn đặng » đây, chúng ta chớ nên theo kẻ nào cho là đáng qui những cảm-giác tạm-thời, những « vật ở thế-gian nầy ». Những kẻ dẫn đạo thật chắc chắn, trái lại, chỉ là những kẻ đã tìm ra chơn hạnh-phước ngoài sự vui thích giác-quan, và có thể dạy chúng ta sự từ bỏ đặng đem chúng ta lên cỏi thuần-túy của người. Con đường nầy, quả thật, chẳng phải dễ ; mà chơn hạnh-phước chẳng đáng công cực-nhọc đó sao ?

XV

Những sự vui thích giác-quan dắc người đến cảnh tái-sanh đau đớn

Tôi không là gì hết ở thế-gian nầy, tôi không phải là con người, tôi chỉ có nắm lấy hay là mặc vào (trong kiếp tái-sanh nầy) vài thuộc-tánh (« Upadhi ») cấu tạo ra con người. Lẻ nầy rất đúng : bởi tôi không là *gì hết ở thế-gian nầy* (nói cách khác, bởi không thứ gì trong chơn tánh sâu thẳm của tôi chỉ định *tôi* hay là hạn chế *tôi*) cho nên tôi có thể, khi

xát thân chết, nắm lấy một thứ « hột giống » khác hoặc thú hoặc người, hoặc trong một thế giới quang-minh, hoặc ở hạ-giới (« địa-ngục của người cơ-đốc-giáo ») và như thế, thêm một lần nữa, trở nên một con người, hay một con thú, một người thân hình chói sáng hay một con yêu quỉ.

Người Âu-châu kim-thời cho giáo-lý nầy là chướng ; họ không thể theo cho đến tột lý một đường tư-tưởng đúng như thế mà không vừa lòng họ. Nếu chơn-ngả của tôi không có ở trong cơ-thể hiện thời nầy, cũng không bị rút tan ở đó, thì bây giờ có thứ gì sẻ ngăn-cản tôi chiếm lấy *một cơ thể khác, cái nào cũng được, cái nào mà sự ưa muốn của tôi kích-thích tôi đến đó.* Mà có thể đó sẻ không phải là bổn-ngả của tôi (1). Đến giờ chết, tôi buộc phải bỏ cơ-thể đó với tất cả quan năng của nó, tất là tôi sẻ nắm lấy, không kỳ-hạn cũng không gì ngăn-cản (có sự xem xét chước

---

(1) Nếu cho là đúng khi nói rằng trong bổn thể đích thật của tôi, tôi là một con người, thì do theo lẻ đó, tất nhiên là không khi nào, tôi có thể tái-sanh làm con thú. Mà còn nếu cho là đúng khi nói rằng bổn thể của tôi «không phải» là cá-nhơn tính của tôi, cái nầy chính là một thuộc tánh, thì do theo ẻl nấy tất nhiên tôi cũng có thể tái-sanh làm thú.

lượng nào sẽ cản tôi lại đâu, bởi vì tư-tưởng đã dứt rồi ?) một hột giống mới điều hòa với sự ưa muốn của tôi ; đối với sự ưa muốn mù-quáng và phóng-túng, thì không kể hột giống đó ở trong tử-cung một người đàn bà hay là một con thú, ở « địa-ngục » hay ở mấy cỏi trời. Về sau, khi hột giống đó sẽ phát triển thành một cơ-thể sản-xuất ý-thức, trí-thức, tôi sẽ hiện ra, *do nơi ánh sáng của ý thức mới đó*, như là người ta, thú vật, thánh thần hay ma-quỉ, tôi sẽ nhìn nhận tôi cũng giống một cách như đương lúc hiện thời đây. Vậy thì tánh chất của sự ưa muốn của tôi quyết định nên tánh-chất lai sanh của tôi : những vật dục quyến rủ tôi lúc nầy càng thuộc về thú tánh thì khi chết, cảnh mà tôi bị rút vô sẽ càng thấp ; trái lại, những sự ưa thích của tôi càng ít thấp hèn, thì cảnh của tôi tái sanh sẽ càng cao, sự khác nhau giữa cảnh nầy với cảnh khác là sự khác (và sự phản chiếu) cường độ của vật-dục (1). Đâu có lẻ nào khác được ?

---

(1) « Sự sai-biệt về vật-dục » nầy thấy rỏ ràng giữa người và thú, và còn rỏ hơn nữa giữa những người khác nhau. Chúng ta không thể quan-niệm một người đức-hạnh rất cao mà lại ham mê vật-dục và càng không thể ưa sự dâm-đãng (dục-tình là cái ổ những sự mê-đắm thấp hèn và nhục-dục). Chúng tôi sấp vào hạng phạm trọng tội người mê-đắm dục-tình không kềm-chế được — sự chia đẳng-cấp do theo sự sai biệt về vật-dục.

Chẳng phải lẽ tự nhiên là đến khi chết, khi chúng ta bị mất xác thân, và chúng ta phải tạo tác một cái máy nhận thức mới, chúng ta sẽ bám vào cỏi hoặc cảnh hạp với những sự ưa-thích của ta hơn hết sao — chẳng phải người có xu-hướng thú-tánh thì quyến-luyến cỏi thú sao ?

Muốn bào-chữa ý-kiến trái ngược lại thì trước hết phải bát cho được luật thân-hòa về hóa-học — luật nầy cũng chỉ là một sự ứng-dụng của luật vỏ-trụ (1).

XVI

Xem qua toàn-thể những cuộc viễn-du của chúng ta trãi qua thế-giới

Chúng ta hảy tóm-tắt lại những đều đã bày-giãi ở trên. Chúng ta đã vẫn-vơ (như trong

---

(1) Đức Phật chia ra ba hạng thế-giới : Những thế-giới Vui-thích giác-quan (a) (trong đó gồm có trái đất của ta), những thế-giới Hình-thể Tinh-anh (b) và những thế-giới không Hình-thể (c). Trong mấy Thế-giới Hình-thể Tinh-anh, người có « cơ-thể » hay là thân-hình thiên-liên và không phân nam nữ, đó là những cỏi thưởng-ngoạn thẩm-mỹ, vui vẽ thuần-túy.

Về những Thế-giới không Hình-thể, xem bổn sách chánh của tác-giả: Giáo-lý của Phật, Đạo căn-cứ ở Lý-tính.

(a) Dục-giới, (b) Sắc-giới, (c) Vô sắc-giới.

giấc chiêm-bao hay là như kẽ say-sưa) trong vô-số thời-đợi, từ hình-thể nầy qua hình-thể khác, từ thế-giới nầy qua thế-giới khác, hiện đi và hiện lại, khi thì làm người, khi thì làm thú, khi làm thần, khi làm quỉ. Và, dầu cho chúng ta ở chỗ nào thì cũng đổ dồn tới cho ta, *do nơi cơ-thể mà chúng ta đã tự chiếm lấy*, một giòng bất-tuyệt những cãm-giác thích-ý hay là đau-đớn. Những cãm-giác đó nối tiếp nhau cái nầy kế cái khác, cho đến đỗi những cãm-giác thích-ý chính là nguyên-nhơn sanh ra những cãm-giác đau-đớn : « Khi một sự vui-thích đã hiện ra, sự đau-khổ cũng hiện ra! Ta đây, Punna, ta nói như thế ». (1) Vậy nên những cãm-giác thích-ý, thật sự là những điềm khổ-sỡ ; những cãm-giác thích-ý là mầm đau đớn.

Kẻ nào, sau khi trải qua nhiều kinh-nghiệm, đã nhìn-nhận sự nầy thì cũng không thèm ngó tới những cãm-giác thích-ý nữa. «Nào là người, đức Phật hỏi, biết nước của một cái giếng là độc mà còn dám uống ? » Sự tỷ-dụ nầy, đức Phật rất thường dùng, luôn luôn cần phải xem xét cho thật sâu, lời cảnh-cáo ở trong đó thích dụng cho tất cã mấy cỏi thế-giới. Thật vậy,

(1) Majjhima Nikâya — trương 267

đời sống của chúng ta trong mấy cỏi đó, dầu được lâu dài, rồi cũng phải hết (cã thãy mọi sự đều chẳng phải là vô-thường sao?) và chúng ta rồi sẽ trở lại trong một thế-giới đau khổ khốc-liệt (thế-giới nầy). Chúng ta rồi sẻ quên mất hết những sự vui-vẽ cảnh thiên-đàng của chúng ta và không còn biết chúng ta ở đâu mà đến, chúng ta sẻ tưởng rằng « sự sanh » của chúng ta là « sự khởi-thũy » của chúng ta. Tánh chất đích thật của mọi sự sống còn, trong hết mấy cỏi thế-giới và trong tất cã mấy khoãn thời-gian, đức Phật đã tiết-lộ cho chúng ta biết trong những lời nói sau đây : « Chỉ có sự đau khổ sanh ra, khi vật gì sanh ra ; chỉ có sự đau khổ tiêu-diệt, khi vật gì tiêu-diệt » (2).

XVII

Những cỏi trời và những cỏi hắc-ám

Đối với kẻ tầm thường, ham sự vui chơi thì bài thuyết-minh về sự liên-lạc của chúng ta với thế-giới (hay là những thế-giới) ở trên đó xem ra ghê gớm đến đâu, nhưng nó vẫn sâu-

(2) Majjhima-Nikâya — trương 17

xa và thật đúng. Nếu chúng ta bền chí thì sẽ nhận biết sự đó một cách trong-suốt như thủy-tinh. Người sẽ tri-giác một cách trực-tiếp rằng toàn thể quá-trình của sự sống về giác-quan là đúng như đức Phật đã miêu-tả (nó *là* như thế đó và không thể nào khác hơn được, dầu cái biển cả đó tràn ngập chúng ta, theo như người đã thấy). Tuy nhiên, còn một chỗ dường như không thể tri-giác trực-tiếp được: ấy là tình-trạng tồn-tại của những cỏi trời và cỏi hắc-ám là nơi chúng ta có thể tái-sanh. Sự khuyết-điểm nầy có kẽ xem là quan-trọng lắm nên họ không nhận luôn tất cã giáo-lý. Làm như thế cũng điên chẳng khác nào không nhận một cuốn sách sâu-xa về khoa-học, lấy cớ rằng họ không thể theo tác-giã trong mấy khoản chuyên-môn của khoa đó. Người biết suy-xét thì *khi đã tự mình nhận sự hợp-lý bao quát của tác-giã,* sẽ nhận và sẽ tin nơi tài điều-luyện của tác-giã, trong mấy chỗ khó (đọc-giã chưa hiểu nổi). Còn như đọc-giã cho rằng không thể nhận giáo-lý của đức Phật về khoản đó, thì đều đó cũng không quan-hệ gì đến ý-kiến đối với những phần chánh của giáo-lý có thể hiểu được. Vã lại người ta có thể suy-lý mà nhận ra tình-trạng hiện có mấy cỏi đó — cũng như nhà thiên-văn Le Verrier

là người đầu tiên nhận chắc tình-trạng hiện có ngôi Thũy-tinh, chẳng phải người đã có thấy nó, mà bởi người chỉ do theo một bài tính về số học mà nhận ra rằng tình-trạng hiện tồn của nó cần phải có. Vậy thì, đều trước nhứt, người ta có thể biểu-minh lý-lẽ nầy : rất chắc-chắn rằng thiên-nhiên là vô-tận và luôn luôn hoạt-động cũng có tạo ra *những nhơn-vật khác hơn nhơn-vật mà giác-quan cũng chúng ta có thể nhận biết*, những nhơn-vật khác hẳn và cấu-tạo một cách tinh-vi hơn những cơ-thể của chúng ta biết. Không khi nào chúng ta có quyền xem như một, ý-tưởng sanh-vật và ý-tưởng nhơn-vật hiệp thành bằng chất albumine (a). Hai ý-tưởng đó có đối-chiếu nhau thì chỉ là đối-chiếu như thể hạng đối với chũng-loại (b) thì phải hơn. Muốn đem những tư-tưởng thế-gian của chúng ta mà ghép vào quan-niệm về võ-trụ thì thật là trẻ con. Trước hết, có thể là sự đồng hóa vật-chất do theo một cách khác, không giống với sự tiêu-hóa, huyết-mạch tuần-hoàn và hô-hấp. Và

(a) Nghĩa là cho rằng những sinh-vật phải hiệp-thành bằng chất albumine (chất làm ra thịt).

(b) Thí dụ như hạng động-vật có xương-sống chia ra 5 «chũng loại» : loài cá, loài bò sát, loài lưỡng-thể, loài chim, loài có vú.

cũng có thể những nhơn-vật như thế phân cách chúng ta bởi khác sự rung-động của giác-quan hơn là bởi những giới-hạng trong không-gian. Tất cã mấy đều đó có thể chắc có lắm, nhứt là chúng ta, với những khí-quan vật-chất thô-kịch của chúng ta, chắc chỉ có thể nhận biết được một phần nhỏ-nhoi của thực-tại — của sự sống còn — nơi ta và chung-quanh ta. Dù sao mặc lòng, theo những đều khão-sát như thế thì tình-trạng tồn-tại của những nhơn-vật khác với chúng ta đó rất chắc có, cho đến đỗi không còn lý-lẻ gì cho phép chúng ta không tin những lời của một người chứng đáng tin nói rằng có biết những nhơn-vật đó, vì có kinh-nghiệm và có tiếp-xúc. Đề lòng tin những kẻ hoàn-toàn vô khuyết cũng là một cách chứng-minh chơn-lý : những việc mà tự chúng ta kinh-nghiệm thì rất ít, chúng ta biết bởi nghe nói là phần nhiều, và chúng ta vẫn tin theo. Mà tìm ở đâu được một người chứng đáng tin hơn đức Phật ? Những kẻ phãn-đối ngài cũng chịu thật rằng ngài không thể cố-ý nhận chắc đều gì không có. Trọn đời của ngài và giáo-lý của ngài làm cho mọi ý-tưởng nghi ngờ ra kỳ-quái, bởi vì không khi nào ngài mở miệng nói ra một lời nào phĩnh-phờ hay là quá đáng ; ngài không phải là người

phỉnh-gạt ai, cũng không phải là một người bán-buôn những phép lạ.

XVIII

Theo thế thường thì không thể nhớ lại những kiếp trước của mình

Sự quên những kiếp trước không phải là một việc có thể bát được giáo điều về những kiếp tái-sanh. Vậy chớ chúng ta chẳng quên thời-kỳ thơ-ấu của ta trong cuộc đời hiện-tại nầy sao? Và sự quên đó có chỉ rằng chúng ta không có sống trong lúc tuổi thơ đó chăng? Cuộc luân-hồi tái-sanh có quá lắm thì có thể xem như một vấn-đề khó hiểu cho mấy kẻ chỉ-trích; tuy vậy, đều dị-luận nầy cũng không đáng kể nữa, bởi vì có thể, nếu đủ điều-kiện, nhớ những kiếp đã qua. Muốn được vậy thì cần phải tập-luyện và phát-triển ký-ức-lực cho đến một độ đặc-biệt — cũng như cần phải tập-luyện quan-năng nào khác, nếu người ta muốn được một sự kết-quả có công-hiệu (1).

(1) Chúng ta nhận sự dĩ-nhiên rằng chúng ta không thể nhớ được một cách dễ-dàng những cảnh-ngộ trong lúc thiếu-thời của chúng ta và chúng ta nhận rằng, muốn nhớ lại những cảnh ngộ đó, phải có công

Nghi-ngờ không phải là một lý-lẻ chắc-chắn để bát : Dầu cho tôi không biết tiếng tàu, tôi lại không thể có một người bạn hiểu được tiếng tàu một cách dễ-dàng sao ? Trước kia năm chục năm, người ta cho rằng không thể đi đâu trên không-khí. Tại sao ? Bởi vì người ta còn chưa biết những điều-kiện đặng bay và,

---

tập-luyện và lần lần nhớ trở lại những việc quan-trọng ; do nơi mấy việc nầy, chúng ta nhớ lại những cảnh-ngộ nhỏ-nhặt hơn hết (hay là chôn sâu hơn hết) của mấy năm còn nhỏ tuổi, như thế, những việc đó sẽ trở lại trong ý thức của ta lần lần và một cách khó-khăn. Biết được những sự khó-khăn về ký-ức như thế, người ta có thể trông cho những sự-tình của mấy kiếp trước sẽ hiện lại nơi ta mà không cần phải công-phu, cũng không cần tập-luyện, không một sự huấn-luyện trí-não hẳn-hòi chăng? Mà đây nầy một đều bát-luận, có thể thừa nhận hơn, về khoản nầy của giáo-lý : Bởi cã thãy nơi ta đều thay đổi, luôn cho đến ý-thức (trí-thức) và, vì lẻ đó, không có gì có thể tích-trử những tình-trạng và những hình-ảnh của đỉ-vãng, thì làm sao một sự nhớ lại như thế có thể có được ? Câu trả lời là chẳng phải cái óc, cũng chẳng phải ý-thức là chỗ súc-tích những kỷ-niệm (chúng ta không khi nào tìm ra được trong óc những hình chụp nhỏ tí của những kinh-nghiệm đã qua), mà những kinh-nghiệm đã qua đó lặn trong bổn-thể không dò được của chúng ta (xem chương VIII) và, vì vậy, ý-chí của ta (hay là lòng ưa muốn) có thể do theo cách liên-hợp tư-tưởng làm cho mấy việc đó hiện trở lại.

chỉ vì sự dốt đó mà chưa có ra những máy để phát-triển nghệ-thuật hàng-không. Thì cũng thế, thường-nhơn không biết những điều-kiện cần-yếu đặng nhớ lại những kiếp trước, và người không thể phát-triển những quan-năng đặc-biệt đặng xem những kiếp đó. Mà như vậy có phải nghĩa là những kẽ khác cũng không làm được chăng? Đức Phật và mấy vị đại đệ-tử của ngài đều làm được, mấy ngài rất giỏi trong thuật đó (cũng như trong nhiều việc khác); đức Phật có truyền lại cho chúng ta *những lời dạy kỹ-lưởng về những điều-kiện cần-yếu đặng đoạt mục-đích đó,* đã đành là ngài để cho ta thực-hành đặng tạo ra những điều-kiện đó và, như thế, phát-triển quan-năng đó. Sự dĩ-nhiên của kiếp tái-sanh *có thể chứng-thực bằng sự tri-giác trực-tiếp,* không cần phải tranh-luận sự có thể được cùng không của nó (1). Người ta phải tự mình tìm kiếm chứng cớ bằng sự tri-giác trực-tiếp, hay là chịu rằng người không có đủ sức ưa-thích hay là lực-lượng đặng tạo ra những điều-kiện có thể đưa người tới sự tri-giác đó.

---

(1) Chúng ta, tự nhiên ít, khuynh-hướng về lý-tưởng mới. Mọi sự phát-kiến lớn đều phải tranh-đấu mới phát-hiện được, dầu cho mấy lý-tưởng đó được mấy bực quan-sát đủ tư-cách công-nhận. Nhứt

là đối với những sự phát-minh về khoa-học thì đều nầy rất đúng. Nếu người cải cách đi ngược với những thành-kiến thông-thường, nghiệp-nghệ hay khác nữa, thì hẳn chắc là người đó sẽ bị quần-chúng chế-nhạo. Nhà vật-lý-học J. R. Mayer – ngài công-bố những luật về thế-lực bất diệc – bị đau khổ về những sự kích-bát và những sự cừu-địch kịch-liệt của khoa học-giới cho đến đổi người phải bị mất trí.

Cái tôi chiến thắng

XIX

Mục-đích của chúng ta
Thiệt hiện sự giải-phóng tinh-thần

Chúng ta không thuộc về thế-giới của hiện-tượng. Chẳng qua là chúng ta tiếp xúc với nó nhờ một cơ-thể vật-chất làm cho chúng ta có thể thấy nghe. hưởi, nếm, đụng-chạm và tưởng mọi vật của thế-giới đó, xát-thân chúng ta quã là một cái máy nhận-thức.

Chúng ta liên-lạc với cái máy nầy đũ mọi phương-diện là tại ý-chí của chúng ta (1).

Trãi qua « Samsara », nghĩa là những kiếp tái-sanh của chúng ta, ý-chí đó thành ra một sự

---

(1) Về đầu-đề nầy, xem Schopenhaaer, ông nói như vầy: « . . . cái tôi đó (cái tôi nhận thức) chính là một công việc của óc chớ không phải chơn-ngã của chúng ta Chơn-ngã trung-tâm của con người là cái ẩn sau cái kia, là cái vốn biết có hai việc : muốn hay không muốn, vừa lòng hay không vừa lòng. đã đành là có sự tiễu-dĩ trong cách phát-biểu những cử-độug đó, mà người ta gọi là tình-cãm, say-mê, cãm-kích, Chơn-ngã sanh ra ngã-thức, nó không ngũ theo cái kia vì chết mà tiêu-diệt thì bạn nó không tiêu-diệt iheo.

ham-muốn nhiệt-liệt. Đức Phật gọi sự ham-muốn nhiệt-liệt đó là « Tanhâ », theo tự-nghĩa nghĩa là *khao-khát*, sự khao-khát đó, sự ham muốn đó — như chúng ta đã biết — chẳng những là nguyên-nhân sanh ra xát-thân cũa ta hiện-thời, mà lại còn chi-phối chúng ta trọn đời, trong mỗi cữ-động của xát-thân và tinh-thần, trong mỗi sự quyết đoán và trong mỗi hành-vi ; sự khao-khát thúc-dục và bắt buộc chúng ta phải thấy, nghe, hưởi, nếm, đụng-chạm và *lưỡng* những vật nó mến hầu cho *nó* được thỏa-mãn, hơn nữa, có khi chúng ta còn bị bắt buộc — một cách gắt-gao vô cùng — phải bão-tồn cơ-thể hữu-hình của ta vì sự cần dùng và sự vui-thích về sau của nó, cơ-thể đó, quã thật, chỉ là phương-thế để thỏa-mãn sự ham muốn, cho đến cã nghị-lực để chống chỏi với nó, đều đem lại cho chúng ta sự đau-khổ. Vậy bài toán là như vầy : đương khi mang một thân-hình đũ bộ-phận giác-quan, chúng ta có thế nào thế nào thoát khỏi sự bắt buộc khiến chúng ta phải dùng những bộ-phận đó dưới quyền sữ-dụng của sự ham muốn, khao-khát (Tanhâ) chăng ? Chúng ta có thế nào trở nên chũ-nhơn trong tư-thất của chúng ta, và quyền cai-quãn bộ hạ của chúng ta (những bộ-phận giác-quan) không ? Chúng ta có thể nào thoát khỏi sự *ham-muốn* đó nó buộc trói chúng ta,

không phương chống-cự, vô cỗi đời đau-khổ nầy chăng? Có nhiều nhà tư-tưởng đại-danh viện lý rằng, theo quyền-lực của sự ham-muốn đó, chúng ta không thể nào thoát-khỏi nó được Giáo-hội cơ-đốc thừa nhận rằng có thể giải-thoát được, nhưng mà phải nhờ một vị Thiên-chúa toàn-năng mới làm được.

Mấy câu hỏi đó, đức Phật trã lời rằng *được* Bởi vì sự khao-khát, sự ham-muốn ở nơi chúng ta đó là một *đức-tánh* mà chúng ta có thể, có hay là không có, vậy thì đối với chúng ta nó không phải là cần-thiết (xem trương 21) Ngài tã trạng thái giải-thoát sự khao-khát đó như là « Cetovimutti » nghĩa là: sự Tự-dơ của Tinh-thần (1), tinh-thần đã được giải-thoát sự khao-khát, sự ham-muốn.

Một người tới được cãnh tinh-thần giải-phóng, là người được thoát khỏi sự bắt-buộc khiến phải dùng cơ-thể của người dưới quyền sữ-dụng của một sự ham-muốn. Nhứt là người có thể xem kỹ, dầu là lúc nào, dầu là vấn-đề nào và tìm cách giải-quyết được một cách bình-tĩnh, không sự xung-đột trong lòng, nhờ ánh-sáng của tri-thức *thuần-túy*. Nếu người nhìn-nhận một việc nào đáng quan-tâm thì

---

(1) Nói « tinh-thần », phải hiểu là trọn cã sự tập hợp những cơ-năng của giác-quan, luôn tới tư-tưởng trực-quan và trừu-tượng là sự hoạt-động tối cao.

người sẽ thiệt hiện nó, nếu người nhận biết một kế-hoạch nào không tìm thế thiệt hiện nó ra, sự dụng-công của người luôn luôn vừa với *chơn* giá-trị của mục-đích của người, chớ không vì sự có thể lợi-ich riêng cho một tư-ngã ức-thuyết. Hơn nữa, người sẽ bỏ được cách dễ-dàng, không hối-tiếc, chẳng hạn là kế-hoạch nào, nếu người nhìn nhận — trong lúc thi-hành — là không giá trị gì, hay là không thế nào thiệt hiện được. Và nhứt là, đến giờ chết, người sẽ không hề phấn-đấu với sự tiêu tan cơ-thể hữu-hình của người, trái lại, người sẽ bỏ nó một cách hết sức lãnh-đạm. Không còn ham-muốn những cảm-giác mới nữa, người sẽ không nắm lấy hột gi ng một cơ-thể mới. dầu là hột giống nào. Người đã làm chủ ý-chí của người, không phải vì chống chỏi với nó, mà vì diệt tiêu được nó.

Sự giải-phóng tinh-thần đó, sự độc-lập hoàn toàn của cái máy nhận-thức của chúng ta đối với mọi sự khao khát, với mọi sự ham muốn và, cũng với đều đó, sự an-tịnh cực-điểm trong tâm, là những đều lập thành hạnh-phúc thật, sự thảnh-thơi thiêng-liêng, không thế diễn-tả, không khi nào phai lợt của đứng Trọn-lành, những vị thần-bí gọi đó là *chí-phúc*.

Chữ « Trọn-lành » của đức Phật dùng là theo nghĩa đó mà thôi. Vậy nên chữ đó có một giá trị không thay đổi và xác-định, nó chỉ đúng một đứng siêu-thoát, một đứng giải-thoát, nghĩa là người đã tự thoát-khỏi, tự giải-phóng trọn sự khao-khát, trọn sự ham-muốn, trọn hết xu-hướng và thúc-dục của người, và vì vậy người thật là hữu-phước. Hy-vọng một *sự trọn lành như thế* có quã là vô-lý hay là tự-ỹ một cách điên dại chăng ?

XX

Sự liên-lạc giữa lòng ham-muốn và sự hoạt-động của trí - ý

Tanhâ (lòng khao khát) phát-lộ có 3 cách : như là ham-muốn, như là không ưa và như là mơ-mộng — ham-muốn một cãnh-vật giác-quan, hay là không ưa cãnh vật đó và mơ-mộng rằng chúng ta thuộc về cõi đời nầy rằng : chúng ta ở trong cái tổ-chức giã-dối của nhơn-tánh chúng ta, rằng những sự vui-thích do nhơn-tánh nầy mà có được là cần kíp cho hạnh-phước của chúng ta.

Mỗi lần có một cách trong ba cách phát-lộ của sự khao-khát, ãnh-hưỡng tới hành-vi

nhận-thức của ta thì liền sanh ra nơi ta, tùy theo phẩm-chất của sự ảnh-hưởng đó, một mối cảm-động vui mừng, oán-ghét, sợ-sệt, giận hờn, vân vân. Vậy nên mỗi mối cảm-động sanh ra là do nơi ta để hành-vi nhận-thức của chúng ta dưới quyền sử-dụng của sự khao-khát phát sanh nơi ta, và bởi ta phục-tùng nó nên ta thành ra tôi-mọi nó, dầu là trong chốc lát. Bởi vậy, nếu ta tập xem tường-tận, một cách vô tình, một cách vô-tư, những cử-động của sự ham muốn (của sự khao-khát) mỗi khi chúng nó phát-sanh nơita (xem chúng nó như kẽ thù-nghịch lúc nào cũng tìm đủ mọi cách đặng xâm lược đồn-lũy của chúng ta, đặng tóm bắt tri-thức của chúng ta, ép buộc phải vưng theo chúng nó và động tác theo ý chúng nó) nếu chúng ta xem sự bộcphát của lòng ham-muốn đúng theo thiệt-trạng của nó, chúng ta sẽ đè-nén được nó lập-tức khi mới phát, và không mối cảm-động nào sẽ phát-sanh nơi ta nữa, thật vậy, mối cảm-động chỉ là kết-quả của sự phục-tùng của chúng ta đối với thế-lực, với sở-thích nhứt thời của lòng ham-muốn.

XXI

Sức ảnh-hưởng tới cơ-thể của những mối cảm-động

Các khí-quan cấu-thành xát-thân để dùng về

việc thỏa-mãn lòng khao-khát: con mắt về việc thỏa-mãn lòng ham-muốn thấy, lỗ tai về việc thỏa-mãn lòng ham-muốn nghe, bao-tử về việc thỏa-mãn lòng ham-muốn tiêu-hóa vật-thực, vân vân...; bởi thế, toàn cã cơ-thể chỉ là một cái máy để dùng toàn về việc thỏa-mãn tất cã những đều ham-muốn. Khi nào một trong những sự ham muốn đó được thiệt-hiện (do nơi mắt, tai, mũi, miệng, thân, trí) thì luôn luôn kết-quã là một mối kích-thích, xao-động, thường thường cũng là một sự náo-loạn cho bộ-phận *đương hoạt-động*. Cùng một lúc, những bộ-phận trong thân thể tùy-thuộc nhau cho đến đỗi mỗi sự xao-động của một bộ-phận nào riêng cũng cãm nhiễm đến toàn thân. Theo thật sự, không có một cử-động nào của lòng ham-muốn (được tri-thức của ta thừa nhận) mà không xao-động, quấy rối hay là làm mệt nhọc trọn cã thân-thể, hoặc ít hoặc nhiều (cũng như mỗi cử-động của con ngựa động đến người cỡi và người cũng rung-rinh theo). Thí-dụ như, khi nào cặp mắt chói-ngời và sáng rỡ vui tươi là bởi do nơi cái nầy hay là cái khác trong mấy bộ-phận giác-quan mà một sự ưa-muốn được thỏa-mãn ; trái lại, khi cặp mắt lờ-đờ và buồn-bã là bởi một sự ưa-muốn bị trở-ngại, không được thỏa-mãn. Trọn cơ

thể của chúng ta rùng mình và rung-ẩy khi ý-chí của ta bị cái mà chúng ta gọi là sợ-sệt chi-phối nó ; và trái tim của chúng ta — cơ-quan trung-ương, thường thường, làm thỏa-mãn chí-muốn sống của chúng ta — nhãy kịch liệt nếu chúng ta thình-lình bị sự nguy-hiểm đến tánh mạng, vì chí-muốn sống của chúng ta bấy giờ bị rối-loạn một cách kịch-liệt quá sức.

Tất cã mấy đều đó là tối quan-trọng cho sức khoẽ của chúng ta. Một cơ-thể càng bị sự *say mê* (1) làm xao-động thì càng mau hư — cũng như một cái máy mà động-lực càng bạo thì càng mau hết dùng được. Tất nhiên, trong cái máy — cơ-thể — của chúng ta, những bộ-phận mỏng-mãnh hơn hết để dùng về việc thỏa-mãn lòng ham-muốn, là những dây thần-kinh. Đó là những cơ-quan đặc-biệt của chí muốn để cãm-giác, những cơ-quan chánh-thức để cãm-giác. Vì lẽ đó, luôn luôn bởi những mối cãm-động, nhứt là những mối cãm-động

---

(1) Nghĩa chữ say mê theo chúng tôi hiểu là tình trạng nô-lệ của cái máy nhận-thức của chúng ta đối với một sự ưa muốn đặc-biệt, sự nô-lệ đó đã thành ra thói quen, do nơi chúng ta phục-tùng lòng ham muốn trong nhiều kiếp. Kết-quá của sự nô lệ đó là khi sự ham muốn đặc-biệt đó phat hiện, chúng ta phải phục tùng những mối cãm động quá đỗi kịch-liệt hơn thường khi nữa.

kịch-liệt, làm cho dây thần-kinh bị mệt và suy nhược nhiều hơn mấy bộ-phận khác. Bởi vậy phương thế hay hơn hết để giữ cho xát thân ta được khương-kiện và, nhứt là, đặng điều-trị dây thần-kinh bị đau-yếu, là đừng để cho « sự khao-khát » của chúng ta nhiệt-liệt quá, mà trái lại, phải để cho nó được yên-tịnh. Sự *yên-tĩnh* nầy trước nhứt, do nơi sự thanh tĩnh của tâm-hồn : « Sự thanh-tĩnh làm cho an-ổn được tâm, thân », đứng Hoàn-toàn Thức-tĩnh nói như thế (1).

XXII

Có thể giải-thoát được lòng ham-muốn

Chúng ta đã biết rằng lòng ham-muốn bắt buộc cơ-thể của ta phụng sự nó, chẳng phải là một phần bổn-thể của chúng ta, mà nó toàn thuộc về thế-giới hiện-tượng. Gốc nó từ đâu mà có ? Nguyên-nhơn của nó là gì ? Lòng ham muốn luôn luôn xu-hướng về một vật nào và chỉ phát hiện nơi chúng ta khi nào chúng ta cho một vật xác-định nào là thích. Không thể nào tưỡng-tượng được rằng chúng ta có thể ước-ao thâu trử được một vật, mà chúng ta đã

(1) Majjhima Nikaya 1. p. 38

biết nó là một nguồn đau khổ. Bởi vì : « chúng ta là kẽ muốn sự sung-sướng và ghét sự đau khổ » (1). Tất nhiên, như chúng ta đã biết, mọi vật biết được tự nó là đau-đớn hay ít lắm cũng là « nguồn đau-khổ » (bởi lẽ biến-thiên của mọi vật) Vậy nếu một sự ưa muốn nào phát-hiện nơi ta, chúng ta phải đổ sự đó cho sức hiểu biết riêng của ta, *chưa hoàn toàn* về tánh-chất đích thật của cảnh-vật giác-quan. Sự khao-khát, sự ưa-muốn những vật đó là — và chỉ có thể là — kết-quả của một sự nhận-thức *sai lầm* hay là, như đức Phật nói, của sự *dốt* thể-chất thật, giá-trị đích-thật của những cảnh vật giác-quan.

Hãy tưởng-tượng một kẽ trọn chưa có lòng ưa muốn — mà có khí-quan tốt — ở trong một chốn hư-vô ức-thuyết hiện ra, và thình lình tự thấy mình ở « trong cõi đời », thí-dụ ở trong một xứ nhiệt đới xinh-tươi. Kẽ đó sẽ có thái-độ giống như đứa nhỏ thấy mình thình lình được đem tới một cảnh đền đài của tiên biến ra. Cũng giống như đứa nhỏ say mê cảnh đền đài tốt đẹp mà nó không thấu rằng đó chỉ là ảo-cảnh, kẻ đó sẽ quan-niệm cỏi đời y theo như người vừa mới xem qua, nghĩa là người sẽ cho nó là tốt đẹp cực-điểm và, vì lẽ đó, đáng thèm muốn, sự kết quả tất-nhiên là lòng

(1) Majjhima Nikâya, II, p. 159.

ưa thích sẽ nổi lên, lôi người vô cỏi đời nầy và khởi sự từ đó số-mạng của người sẽ « dính cứng ». Bởi vì lòng ưa-thích đó càng ngày sẽ càng thêm, và không bao lâu sẽ thắng-phục người: trong tất cã hành-vi và công việc của người, người chỉ là tôi-tớ của lòng ham-muốn Vì lẽ đó, khi cơ-thể của người phải trãi qua cãnh chết không phương tránh khỏi, cơ-thể sẽ tiêu-tan, người sẽ bám một hột giống mới đặng tạo-tác một xát thân mới, và sau khi tiêu-tan cái nầy, tới cái khác nữa, và cứ liên-tiếp như thế, vì bởi lòng ham-muốn sanh ra nơi người, nên người phải bị cõi đời bắt không phương chống lại — đúng như chúng ta đã bị cỏi đời bắt vậy. Lòng ham-muốn của chúng ta mỗi giờ mỗi phút cứ phát sanh mãi, bởi vì chúng ta cho rằng cỏi đời là tốt đẹp, hết sức tốt đẹp, chúng ta cho cõi đời quá đẹp cho đến đỗi chúng ta không còn thể tưởng-tượng rằng trong trạng-thái đích-thật của chúng ta, chúng ta có thể không phụ-thuộc cơ-thể của ta hay gọi là cái máy nhận-thức.

Từ vô lượng kiếp, lòng ham-muốn đó phát sanh, và luôn luôn đổi mới. Thật vậy, người ta không thể chỉ định lúc nào là lúc khởi-thỉ trước nhứt chúng ta bắt đầu vô trong cõi đời, người ta không thể tưởng-tượng nổi sự đó

cho đến sự khởi-thỉ của toàn-thể cỏi đời cũng thế : mỗi giây nhơn-quã chỉ có thể do nơi những sự biến-dịch hiệp thành, mà mỗi sự biến-dịch cần phải có một sự trước nó biến dịch ra nó, người ta không thể tới sự biến-dịch nào gọi là trước nhứt. Trái lại, một giây nhơn quã không cần phải là vô-tận ; riêng về giây tái-sanh liên-tiếp của chúng ta cũng không buộc phải vô-tận.

XXIII

Diệt sự ham-muốn nhờ nơi sức nhận-biết đúng

Sự nhận-biết sai lầm nó đã chi-phối tất cã tiếp sống của chúng ta, sự dốt nát về cái lẽ rằng tất cả cãm-giác là đồng nghĩa với sự đau-khổ, sanh ra nơi ta là bởi sự *dùng sái* cái máy nhận-thức của chúng ta ; sự dùng sái là như thế nầy : Trước hết, chúng ta xem những hiện-tượng một cách sơ sài, cũng như là những vật bản-nhiên, không truy đến nguyên-nhơn và kết quả. Vì vậy, chúng ta không thấy những kết quả mà những hành-vi hiện thời của chúng ta sẽ đem đến cho chúug ta về sau. Nhứt là chúng ta không suy xét rằng những hành-vi hiện thời

đó hạn định tương lai trọng đại của chúng ta sau khi chết, cái tương lai mà một ngày kia sẽ trở nên *sự hiện tại* cho chúng ta. Trước hết, chúng ta phạm cái lỗi để cho những dục-vọng tích-tụ của chúng ta sử-dụng nhận-thức-lực của chúng ta, chẳng ngoài việc tìm phương-tiện đặng thỏa mản chúng nó. Chúng ta làm như thế từ khi chúng ta ở « trong cỏi đời ». Vì lẻ đó, một sự ham-muốn đặc biệt, to-tát, bao la, sanh ra nơi ta: Sự muốn dùng cái máy nhận-thức của chúng ta như chúng ta đã dùng từ lúc nào, nghĩa là dưới quyền sử-dụng của những sự ham muốn. Kết quả của sự đó như thế nầy : Sự thúc dục xô chúng ta vô cõi đời, đại khái chẳng những ngăn-cẩn chúng ta dùng cái máy nhận-thức của chúng ta một cách phải lẻ, mà thêm, cái khuynh-hướng nhận thức một cách sai lầm và nhứt là suy nghĩ một cách sai lầm, ngăn cẩn chúng ta hiểu biết một cách đúng đắn (1).

---

(1) Đức Phật tỏ bày sự đó khi ngài nói sự dốt (a) phát sinh bởi những « Asavâ », nghĩa là những sức ảnh hưởng. Có ba thứ « Asavâ »: sức ảnh hưởng của sự ham hố về vật dục, sức ảnh hưởng của sự khát vọng về sự hóa thành, và sức ảnh hưởng của sự dốt mà chúng ta đương bị chìm đắm trong đó (nhứt là định kiến) Những « Asavâ » đó làm cho sai biệt nhận-thức-lực của ta và làm cho sanh ra một sự dốt nữa.

(a); vô-minh.

Trái lại, đây là cách dùng đúng đắn cái máy nhận-thức của chúng ta : Chúng ta phải xem những vật thâm nhập vào cỏi ý-thức của ta, không kể đến những sự ưa thích của chúng ta, nghĩa là đứng về khách-quan, như là chúng nó không quan-hệ gì tới chúng ta chút nào vậy. Bấy giờ, chúng ta chẳng những phải xem cho thấu trạng thái hiện thời của những vật còn sống và đã chết, y theo *thiệt sự*, mà lại còn phải tiên kiến cho rỏ ràng sự tiêu diệt về sau của chúng nó. Hơn nửa, chúng ta còn phải xem thấy cho thật sâu sắc, ngay từ bây giờ, rằng chúng ta mến luyến những vật hư hoại tất là đường dắc chúng ta phải tái-sanh lại nửa. Sự mến luyến càng chặt thì kiếp tái-sanh sẽ càng đau đớn nhiều và chúng ta phải thêm một lần bị xa con đường đến chơn hạnh phước, ở ngoài vòng tất cả những đều ham muốn.

Làm như thế, chúng ta chẳng những sẽ tìm ra tánh-chất đối-giả của tất cã mọi vật hiện trước sự nhận-thức của chúng ta (bởi vì thứ nào thích-ý rốt cuộc cũng trở nên đau đớn), mà chúng ta cũng sẽ tìm ra cái tánh chất hiện-tượng của chúng nó, chúng ta sẽ thấy rằng cảnh vật của giác-quan, và luôn tới những cơ-quan tri-giác và tư-tưởng đều là vô thường

và vì đó, là nguyên do của mọi đều đau khổ. Nếu chúng ta thiệt hiện đúng mấy đều đó thì lòng ham-muốn có một thân-hình và những cảnh vật của giác-quan sẽ tắt mất nơi ta. Không có đường nào khác nửa đặng trở nên *vô-dục*, và thật hạnh-phước.

Chúng ta hãy nghe những lời của Phật nói đây :

« Không có thứ nào đáng cho người ưa muốn Khi một vì sư đã nghe được đều đó rồi, người xem xét mỗi món. Xem xét mỗi món, người thấu biết mỗi món. Và thấu biết mỗi món, người thấy trong mọi thứ mà người cảm biết đều có sự không bền, sự già-cỗi, sự tiêu-mất, người không còn đeo niếu vô-thứ gì ở trong cỏi đời nữa. Như thế, người tới cảnh tắt mất lòng ưa muốn (tắt mất lòng khao-khát — Niết-bàn). Đây là đều người nhìn biết lúc bấy giờ : « Sự tái-sanh đã diệt, đời đạo-hạnh đã xong, tôi đã làm cái đều tôi phải làm, tôi không còn sự gì chung cùng với mấy vật nầy nữa. ». Vì thế mà một vị sư được giãi-thoát nhờ diệt tiêu lòng ham muốn, vì thế mà người đạt đến trạng-thái hoàn toàn vững chắc, tới bực đạo-hạnh cực-điểm, tới mục-đích cuối cùng và sẽ được hơn người cùng các vì thánh thần. »

(Majjhima, Nikaya, 1, trương 251 và tiếp theo)

XXIV

Sự diệt lòng ước - ao thấy lại những người yêu mến đã từ trần

Do nơi mấy đều trước đó thì — dầu cho người nào chưa muốn bỏ tất cã sự ham muốn đi nữa — nếu còn ao ước mãi một vật gì quá hạn-định thường của nó thì chính là một sự cuồng vọng. Bởi vậy người trí không kéo dài sự ham muốn của mình quá hạn-định ấy; người vẫn yên-tịnh, ngó ngay những cảnh-ngộ của cuộc đời không chút nào sợ sệt. Đều nầy trước nhứt chỉ về những sự ước ao đối với thân-quyến và bậu bạn của chúng ta đã chết rồi. Bây giờ chúng ta có đũ lý-lẽ để hiểu rằng thứ nào vì chết mà tan rã, đó chính là những « Upadhi », những thuộc-tánh của người mà chúng ta yêu-mến, chính người đó không vì sự tiêu-tan mấy thứ đó mà bị thiệt chút nào, mà người đã tìm được và nắm lấy những « Upadhi » mới, người sẽ tiếp tục dùng mà cãm-giác và tri-giác. Nếu kẽ mà chúng ta yêu-mến có tánh-tình cao-thượng đặc biệt thì theo luật thân-hòa-lực, (loi d'affinité élective) người sẽ tái-sanh trong một thế-giới vui đẹp hơn thế-giới của chúng ta ; nếu người có những xu-

hướng tầm-thường hơn thì người sẽtrở lại trái-đất của chúng ta: Trong trường-hợp đầu thì chúng ta chỉ nên vui mừng cho sự thảnh-thơi hiện-thời của người, hơn chúng ta nhiều; trong trường hợp thứ nhì thì không có đều chi đáng tiếc. Vậy, cùng kẽ khác, người không có thể hữu-phước (hay khốn khổ) như đã có cùng chúng ta sao? Nếu kẽ chết có tánh-tình xấu, người ta có thể quan-niệm một lý lẻ cho là đáng buồn, trong trường-hợp nầy thì, quả thật, người sẽ có thể bị rút vô một cỏi thấp. Mà sự buồn rầu đó có ích gì, hoặc cho người hoặc cho chúng ta? Trong cuộc lưu-hành của thời-gian, do theo những đều ham muốn của mình, mỗi người trong chúng ta cứ tuần hoàn thoát ra khỏi mấy cỏi hạ-giới đó, rồi bị té trở lại không biết bao nhiêu lần.

Thật thì đều nầy không phải là ít có: Sự thương yêu của một người sống đối với một người chết quá mạnh cho nên không kể tới mấy đều đã quan-sát đó. Nếu sự say mê đó đũ sức mạnh, thì sự ước mong tái hiệp sẽ thiệt hiện một cách chắc chắn (tự Đức Phật cũng nhận như thế). Bởi vì, khi sự ham muốn có đũ sức mạnh thì luôn luôn đạt thấu mục-đích. Vậy nên rất có lẻ sau khi chết, tôi sẽ gặp lại một kẻ nào tôi đã thương mến và tôi sẽ tái hiệp với người lần nữa — mỗi người

trong chúng tôi tất nhiên sẽ mặc một hình thể mới và quên hết những giao-tình trong kíp quá vãng. Tuy đã quên như vậy, chớ lòng mến-luyến xưa kia của chúng tôi sẽ làm cho sanh nơi chúng tôi một sự say-mê giống như trước (đều nầy là một sự giãn-dị và tự nhiên về sự ái-tình phát sanh trong nháy mắt, «cuồng tình», và việc như thế có thể lập lại kiếp nầy qua kiếp khác. Tuy vậy, trong một kiếp sống nầy hay trong một kiếp sống khác, sự hưởng chán chê hay là sự không ưa rốt cuộc sẽ nổi lên, ái-tình «mạnh hơn sự chết» lâu rồi cũng không bền như những thị-hiếu khác!

Đã bao lần trong quá-vãng, tôi chẳng yêu thương không kể đến sự tủ-biệt (có lẽ không kể đến nhiều phen tử biệt!) rồi cũng không còn lại *chính nơi tôi* một dấu-tích nào? Và tôi đã chịu đủ mọi bề đau khổ, mà rồi không có ích lợi gì trả lại! (1).

---

(1) Những người về phái thần-linh-học, phát-triển và vung trồng sự ham muốn giao thông với những kẻ đã mất. Sự giao thông nầy chỉ có tiếp nối với những kẻ chết còn «dính với trái đất», với những kẻ ở trong cỏi «hồn ma bóng quế». Mọi sự giao thông với những cỏi cao hơn thì dầu cho dùng cách nào của phái đó cũng tuyệt-nhiên không thể được, và những sự giao thông với dân sự trong cỏi ma thì thật là không có lợi ích gì bao nhiêu.

XXV

Sự diệt lòng ham muốn một cơ-thể hửu hình

Khi chúng ta có được sự nhận-thức trúng — khi chúng ta biết rằng ham muốn một vật, dầu là vật nào, đó là luôn luôn ham muốn và ôm lấy sự *khổ nảo* (do nơi sự không bền của mọi vật) — thì sự ham muốn quyền sở hửu tất nhiên phải tắt mất nơi ta. Hơn nữa, cho đến sự mến luyến của ta đối với cơ-thể — nó chỉ cho chúng ta những cảm-giác tạm thời và đau đớn — cũng sẽ bỏ và trừ diệt được. Sự bỏ dứt lòng quyến luyến đó chẳng những thích-dụng đối với cơ-thể hiện thời, mà cũng đối với tất cả cơ-thể có thể trở nên của ta sau khi chết. Thật vậy, chúng ta sẻ thấy rõ ràng tánh chất của tất cả hiện-tượng, dầu là hiện-tượng ở trong cỏi nào, là vô-thường và đau-đớn. Dầu cho cơ-thể mặc vào là tốt đẹp quá sức tưởng được, trong một « Thế-giới Quang-minh », chúng ta cũng sẻ nhìn nhận rằng « thân hình » đó cũng là tạm thời và mối sanh ra những cảm-giác, mà khi trải qua « samsâra » (những kiếp tái sanh của chúng ta), có thể dắc — và dắc chúng ta lần nữa — vào những cõi hạ giới.

Khi chúng ta sẻ hiểu rằng, nhơn quả

nào cũng sanh ra sự khổ(và rốt cuộc cũng chỉ là khổ : « kẻ nào ham muốn sự vui-thích là ham muốn sự đau khổ » (1), thì mọi đều ham muốn sẽ tắt mất nơi ta.

XXVI

Huấn-luyện trí-tưởng, bước đầu dự bị cho sự nhận thức trúng

Chúng tôi nhận rằng thật khó mà dùng cho đúng cách cái máy nhận thức của chúng ta. Tuy vậy hiệu quả đó có thể đạt được, cũng như người ta có thể dùng ống thiên-lý mà tìm ra những chỗ xấu hoặc những chỗ đẹp của một cảnh sơn thủy xa xăm. Sự khó khăn hiện ra trong khi ta định xoay sự hoạt-động nhận-thức về một phương hướng nhứt định đều có thể nhờ sự *tập luyện* mà thắng được. Có công tập luyện lâu ngày thì những việc lạ kỳ thế mấy cũng có thể làm được một cách khéo léo. Sự tập luyện có quyền lực phi thường, hay là, như Đức Thầy Eckhart nói : « Có một câu hỏi, hỏi giữa mấy Đức Thầy, là muốn biết rằng con người có thể nào đến bực không còn phạm tội (1) trong

(1) « Phạm tội » là làm trái luật vĩnh cửu của cỏi đời, luật đó đức Phật đã có tiết lộ ra rồi (xem Giáo-lý của đức Phật, Đạo căn cứ ở Lý-tính).

khi còn mang xát thân nầy chăng ? Những Đức Thầy cao-đệ hơn hết đều nói : «Được»— Phải hiểu lẽ đó như thế nầy : những kẻ ấy đã tập luyện được bề trong và bề ngoài cho đến đổi họ không còn có khuynh-hướng về một nhược điểm nào ».

Chuyên tâm, nơi chốn vắn vẻ và yên lặn, về những sự mặt tưởng của chúng tôi chỉ — sự mặt tưởng khiến cho chúng ta thấy rằng tất cả mọi vật đều hư hoại và sanh ra đau khổ, cho đến thận hình của ta với những cãm-giác và tri-giác của nó cũng thế — khi ban sơ dường như không thể làm được. Chúng ta hằng bị những tư-tưởng khác đến làm cho đức đoạn sự tham-thiền của ta, cũng như những bóng nước từ dưới đáy nước vọt lên mặt nước yêm lìm. Chúng ta có khuynh hướng phải chăm lo chúng nó và, vì vậy chúng ta bỏ nhản công cuộc mặc-tưởng của chúng ta định theo đuổi. Trạng thái đó kêu là *đảng trí*, nghĩa là người không thể định trí một cách chuyên nhứt và bền bỉ vô vấn-đề độc nhứt mà người muốn xem xét. Trạng thái đó càng khó chống lại và khó thắng được là vì những tư-tưởng đến làm trở ngại tư-tưởng chánh, luôn luôn dường như quan trọng lắm, dục chúng ta phải lo đến chúng nó.

Nhưng vậy chớ nên mắt mớp cái vẻ quan trọng đó, và bền lòng theo đuổi công việc theo mục đích của người đã định. Làm như thế, người phải tự nói rằng công việc quan trọng hơn hết trong thời ấy là lo chế phục cho được tư-tưởng của mình ; chừng đó, chắc chắn người sẽ thấy được tấn bộ lần lần. Những tư tưởng làm rối loạn tư tưởng chánh của chúng ta sẻ một ngày một ít lần ; nhận-thức-lực, lần lần san trừ được những ý tưởng đó, sẻ được tự chủ hơn. Như thế, được lâu ngày, người sẻ có thể chuyên chú trong việc tham thiền không xao lảng được nhiều giờ.

Muốn đạt mục-đích đó, người cũng có thể theo một cách tập luyện riêng. Thí dụ, người ráng sức định hết trí mình vô việc xem xét một cây thấy trước mặt, rồi lần lần, người sẻ chuyên chú trong sự xem xét một cái đồng rộng lớn. Tập như thế người có thể tới bực, thí dụ như, tưởng tượng một cách trực giác, 550.000 kilomètres vuôn hiệp thành địa diện nước Pháp, cũng như trọn cả diện tích chỉ là một cái đồng rộng lớn trống trơn, nghĩa là không chỗ nào nổi cao lên, không làng xóm, không rừng rú, vân vân... (1). Người phải rán sức dùng con mắt tinh thần mà thâu

---

(1) Xem bài thuyết pháp thứ 121 và 127 trong Majjhima Nikaya.

thái đều đó: người có thể bao quát, một cách trực giác, một bề mặt mênh mong như thế !

Mà đó mới là một phương diện của sự mở mang trí tuệ, phương diện thuộc về phạm vi khuếch trương. Song đối với nó, có một phương diện khác thuộc về phạm vi cường-độ. Đặng cắc nghĩa cho rõ ràng phương diện nầy thì chẳng chi hơn là xem xét tánh chất của những giấc chiêm bao: giấc chiêm bao chẳng qua là kết quả của tư tưởng trực quan và tập trung ; duy bởi mực rõ rệt mà nó khác hơn, thí vụ, với những không tưởng của một người kia tạo ra, khi người mơ-mộng trong lúc thức. Những tình trạng của người đó làm cho hiện ra theo sở thích của người một cách lờ mờ và lộn xộn, thì trong giấc chiêm-bao — nhờ sự yên lặng tuyệt đối của tất cả ảnh hưởng của ngoại giác quan — hiện ra thành hình quá rỏ và quá sắc sảo cho đến đổi thật không còn đều chi phân biệt đặng sự thấy trong khi thức và sự thấy trong giấc chiêm bao. Tư tưởng trực quan mà được tột bực như thế, khiến cho có thể, như trong giấc chiêm bao, tưởng tượng cho thấy được đều của ta tưởng một cách rỏ ràng như khi ta thấy đều đó thiệt, lập thành phương diện khác của sự tập luyện tinh thần có phương pháp, nhờ sự gom trí

vô một vấn đề tham-thiền mà thôi. Kẻ nào tập trung tinh thần được tới trình độ đó, sẽ lặng nhìn cơ-thể hữu hình một cách bình tỉnh, người sẽ thấy nó hiện ra hình tỏ rõ như những tình trạng thấy trong giấc chiêm bao. Người *sẽ thấy* một cách trực tiếp rằng cơ-thể nầy chỉ là kết quả của những chất mượn ở ngoại giới ; và vì lẽ đó, mà nó toàn nhiên là riêng biệt với người ; hơn nữa, tất cả hiện tượng kể luôn cơ-thể nầy nữa, sẽ hiện ra cho người thấy, một cách cũng tỏ rỏ như thế, như là những vật phải hư hoại và nguồn sanh ra buồn thảm. Trong những nhà sư phật giáo khi xưa, sự phát triển về tinh thần, từ phương diện khuếch trương cho đến phương diện cường độ, đến bực đó không phải là ít. Sự phát triển về đường trí-tuệ của ta quá khoe mình xem nó kém biết bao, hèn mọn biết bao, nếu đem so sánh nó với những đều mới tả đó và chúng ta còn phải, về phạm vi nầy, nới rộng biết bao giới hạn của đều mà ta gọi là không thể làm được. Khi sự hoạt động của nhận-thức-lực mà đem cao tới bực đó thì kết quả của nó biết đến thế nào ! Có một tinh thần huấn luyện được như thế thì còn ai có thể ngờ rằng trận chiến đấu từ xưa giữa Ánh-sáng và Hắc-ám kết cuộc lại không phải là sự

toàn thắng của Ánh-sáng (1).

XXVII

Làm chủ lần lần sự ham muốn

Nhận biết trúng là cây gươm của ta càng mài cho sắc được như thế, thì ta càng có thể công-kích được hiệu-quả sự ham muốn, sự khao khát nó cầm quyền thống-trị nơi chúng ta — gọi là rồng hay là «quỉ» theo cách nói bóng của đạo cơ-đốc. Tất-nhiên, trong cuộc tranh-đấu nầy, mỗi tấc đất đều phải tranh đoạt với kẻ nghịch.

Trước hết, chúng ta phải trở nên người *ngay thẳng và công bình*, chúng ta phải tập chống lại những sự ham muốn và những sự quyến-luyến thấp hèn, những đều ta được thỏa lòng mà phải hại cho kẻ khác. Đây là mức thấp của nhơn-loại chánh-thức. Sa dưới mức nầy là dự-

---

(1) Sự xung đột giữa Ánh-sáng và Hắc-ám, mà người ta đã nói quá nhiều và đã miêu tả nhiều lần rồi, chính nghĩa là sự tranh đấu giữa trí thức thuần túy và sự dốt nát — sự dốt nát là kết quả của quan niệm sai lầm cỏi đời, bởi sự mê luyến đời mà ra: chúng ta còn chưa thấy rằng chúng ta chẳng phải ở cỏi đời nầy, và chúng ta tưởng rằng sống ở trong đời là vui thích lắm.

bị cho mình phải tái-sanh trong một cảnh thấp hơn loài người. Nếu ta làm cho cử-chỉ ngay-thật thành ra *đặc tánh* của ta, nói cách khác là nếu ta giữ theo được đường hạnh-kiểm đó một cách như thể vô-tình, không còn có những thị-hiếu trái ngược phát-hiện nơi ta, thì chúng ta thật là người *đức-hạnh* và chúng ta bước được nấc đầu trên thang đạo-đức. Như thế, ta có thể trông mong tái sanh trong một cỏi trời.

Đã được nên người đức-hạnh như thế, chúng ta có thể khởi diệt sự ham-muốn những việc trần-thế, tóm lại là, tự thoát-ly lần lần những việc đó. Nguyện-vọng nầy thiệt-hiện trong sự bỏ hết của cải trần-gian, vậy là trong sự bần cùng trọn vẹn (1), và trong sự thanh-khiết tuyệt bực.

Lòng nhơn-ái chơn-thiệt sẽ là kết quả liền của sự thiệt hiện đó, của sự không còn than tiết những việc trần-thế. Vì vậy, đến được bực đó, người chỉ còn một lòng hiền-từ đối với tất cả sanh vật. Đến bực hoàn-toàn đức-hạnh như thế là đủ tư-cách vào Cỏi Brahma, nghĩa là Cỏi

---

(1) Nếu chúng ta không thể thiệt hiện đến nầy một cách trọn vẹn, ít nữa chúng ta cũng có thể sống một cảnh nghèo trong tâm : « Thân ta dầu đeo đầy vàng ngọc, tinh-thần cũng có thể làm chủ tâm-trí phù-hoa » (Pháp-cú.)

Hình-thể Tinh-anh, Cỏi trời của đạo cơ-đốc theo thể-thức tinh-túy hơn hết. Những kẻ ở mấy cỏi đó đã mất hết sở-thích đối với những hạnh-phúc ở thế-gian và những sự vui-thích ở thế-gian ; vì vậy, xem như thể mấy kẻ ấy là *nghèo*. Ở mấy cỏi đó chỉ có lòng thương thuần-túy, nghĩa là lòng tốt hoàn-toàn. Vì lẻ đó mà đức Phật, cũng như giáo-hội đạo cơ-đốc, nói quyết rằng kẻ nào, khi còn ở dưới-thế nầy, mà tự mình muốn sống trong cảnh thanh-bần và trong cảnh thanh-khiết tuyệt bực và đầy lòng hiền-lành từ-tế vô tận vô biên đối với mọi vật có sống và có thở, mấy kẻ đó « tuy ở trần mà sống theo cảnh sống ở cỏi trời. »

Nếu chúng ta lên cao đến bực đó thì chúng ta đã đến bực hoàn-toàn về đường đức-hạnh, chỗ cúi cùng con đường đối với người đạo cơ-đốc và mấy tôn-giáo khác Quá điểm nầy, những môn-đồ của mấy tôn-giáo không muốn biết gì nữa và không muốn biết gi hơn nữa. Tuy vậy hãy còn có những trạng-thái ý-thức ở cỏi Brahma hay là cõi trời của đạo cơ-đốc. Mấy trạng-thái đó cũng có thể đạt được trong lúc chúng ta còn sống ở trần-thế nầy, những môn-đồ theo giáo-lý của Phật (vì giáo-lý của Phật là khoa-học nhận biết trúng) có thể đạt được mấy trạng-thái đó, theo cách sau đây : khi trong lòng đã diệt đặng mọi sự ham-muốn

cảm-giác và tri-giác những vật ngoại-giới, đối với ngoại-giới, người sẽ như mù, như điếc, vân vân . . và người có thể ở trong cảnh mặc tưởng không gián đoạn của cỏi không-gian *không bờ bến* được nhiều giờ (hay nhiều ngày), (muốn quan-niệm một sự giải-thoát rộng lớn như thế thì mấy vị chỉ xem biết bao là sự khó-khăn khi mấy vị gom trí vô một tư-tưởng trong vài sao đồng hồ mà thôi). Kẽ nào đạt được sự tri-giác cõi không-gian vô-biên vô-tận, thì sẽ tái-sanh trong một thế-giới rất cao hơn cõi trời của người đạo cơ-đốc, nghĩa là cõi không-gian vô-biên vô-tận, ở đó người sẽ hưởng được cảnh an-tịnh không xao-xiếng trong vô số triệu năm.

Trong đời hãy còn có ba cõi khác cao hơn cõi không-gian vô-biên vô-tận nữa. Trong quyển Giáo-lý của Phật. Đạo căn-cứ ở Lý-tính có tả mấy cảnh đó. Mà cho đến mấy cõi đó cũng vậy, cũng chưa phải là cao hơn hết. Rốt cuộc cũng phải thắng-phục sự ham-muốn mấy cõi đó, nhờ suy-xét rằng mấy cõi đó cũng là tạm-thời và vì vậy là đau-đớn. Khỏi mấy cõi đó, người đến điểm cúi cùng, nghĩa là đến trạng-thái tuyệt *hết sự ham-muốn* ; chừng đó chỉ còn lại « thân hình mang sáu giác-quan nầy là trạng-huống của sự sống » (1), khí-cụ

(1) Majjhima Mikaya III, trương 108.

còn đó, mà lòng ham-muốn một sự hoạt-động để nhận-biết nào về sau cũng sẽ tiêu mất trọn vẹn, chừng đó chúng ta sẽ hiểu biết trọn cõi đời, hiểu biết sự liên-lạc giữa cõi đời và chúng ta.

« Đầy sự an-tịnh tuyệt vời, tinh-thần có thể nhận thấy sự khao-khát, sự ham-muốn tắt mất ».

Kẽ nào đã giãi-phóng tinh thần của mình khỏi hết các sự quyến-luyến, một cách hoàn-toàn, là đạt « sự giãi-phóng tối-cao, tối-trọng », người đã thắng được trận lớn hơn hết và được đắc-thắng, người ở trên sự chết (1).

---

(1) Sự khác nhau giữa một người tới bực trọn lành và một người còn bị dính liu vô cái máy nhận thức, có thể hình-dung như vầy: tôi ở trong tối và tôi muốn xem một vật nào đó, tôi quẹt một cây quẹt và tôi ráng làm cho thõa-mãn tánh hiếu kỳ của tôi trong lúc cây quẹt cháy rồi tắt. Còn như nếu tôi thấy cây quẹt cháy lần, gần tắt mà tôi chưa nhận biết được đũ đều cái món tôi định xem, thì bây giờ tôi ráng sức kéo dài cái đời cây quẹt, khi rốt cuộc nó cũng phải tắt, tôi sẽ quet một cây khác đặng làm cho thõa-mãn lòng ham-muốn dục tôi tới sự nhận-thức đó Trong tỷ-dụ nầy, cây quẹt hẳn là biểu-hiệu cái máy nhận-thức của chúng ta nhờ nó mà chúng ta cứ luôn luôn ráng sức làm cho thõa lòng khao-khát thấy biết của ta. Chúng ta cứ lo ngại mãi cho tới chừng nào lòng khao-khát đó được đã khát một cách rốt ráo, bởi vì ta sống trong cãnh lo sợ cho cái máy phải tiêu-tan ; vì lẽ đó chúng ta ngăn cãn sự tiêu-tan đó. Khi rốt-cuộc cái máy « chết » (cũng như cây quẹt tắt), liền đó chúng

XXVIII

Giải-phóng tinh-thần của ta là tự giải phóng sự buộc phải dùng cái máy nhận-thức của chúng ta

Vấn-đề giải-phóng tinh-thần, nghĩa là được tự-do dùng cái máy nhận-thức của chúng ta bày ra như vầy : Cả thảy trong đời (gồm luôn xát-thân đích-xác của chúng ta) đã là đau đớn và sanh ra khổ-não, thì chắc tôi phả bỏ thân nầy đi, nếu tôi không bị một thế-lực ở nội tâm nghĩa là bị ý-chí của tôi, sự khao khát của tôi, sự ưa muốn của tôi bắt buộc tôi bảo-tồn nó và dùng nó. Nếu thế-lực đó bị tiêu diệt thì bây giờ tôi sẽ có thể tùy ý tôi lựa chọn, một cách hoàn-toàn tự-do, mà giữ hay là bỏ cái máy đó. Tuy nhiên, thế-lực đó mà có thể diệt trừ được là chỉ nhờ dùng cho hợp cách những tác-dụng nhận-thức, nhờ biết rằng mọi sự ham-muốn kết cuộc đều đau khổ. Song le, trong sự hoạt-động nhận-thức, chúng ta bị hạn-chế bởi cái

---

ta chăm lo tìm kiếm một cái khác và chiếm lấy. Bực trọn lành, trái lại, bởi biết chắc rằng xát-thân của người là một cái máy chỉ để cảm-giác và tri-giác những vật đau-đớn, có thể xem xát-thân tan-rả một cách thật lãnh-đạm và chắc hẳn, người sẽ không muốn có thân hình mới nữa.

phẩm của cái máy của ta (có thể quá xấu) và cũng bởi những ngoại-cãnh của đời ta. Mà đều nầy cũng là kết quả của sự ham-muốnn hiệt liệt của chúng ta và có thể sửa đổi được, nhờ sự tăng cao lần lần lần phẩm giá cũa lòng ham muốn (sự tăng cao phẩm giá nầy phải theo đuổi hằng dây hằng phút, kiếp nầy qua kiếp khác) cho đến khi nào, kết cuộc, chúng ta đáng có một cơ-thể thuận-tiện hơn và một sự liên hợp những điều kiện hạp cho sự phát-triển sức nhận-biết đúng. Sự tăng cao phẩm giá lòngham muốn chỉ có thể thực-hiện lần lần, từ bực xác định. Con thú, như nó vậy, chỉ biết một mực làm theo sự ưa thích của nó. Vậy nên nó không được tự-do; và một phần quá đông trong nhơn loại cũng vậy, cũng đều bị trói buộc một cách chắc chắn như vậy. Phần đông nầy xem sự làm theo *đều của mình thích* là «tự-nhiên» và «phải lẻ»; vì vậy chúng phải chịu dưới quyền *cưởng chế* của sự ham-muốn trong mọi việc hành động (và nhứt là về tư-tưởng).

Song le, trong mỗi người đều có một điểm hành-vi *thuần-khiết*; không mắc sự ham muốn; điểm đó dầu nhỏ thế nào cũng có thể tăng lên và dùng làm gốc—không có ccáh nào khác—để hiểu biết lần lần và để tăng cao lần lần phẩm giá của sự ham muốn. Vì vậy mà mỗi người, khi chết, có thể tấn hóa về đường đức hạnh hơn

lúc sanh có thể diệt lần lần như thế sự ham muốn của người, kiếp nầy kế tiếp kiếp khác cho đến khi, trải qua cuộc lưu hành của thời gian, người diệt trọn hết sự ham muốn đó. Đành rằng, thiệt hiện sự tấn bộ ấy có kẻ mau người chậm. Dường như trong buổi mà người ta gọi là Thời-đại Hắc-ám, phần đông trong chúng ta phải đành lòng tuần tự mà tấn bộ, bởi tình cảnh chống lại với ta.

Chỉ có người thành thực khởi sự mong mỏi tận tình được sự tự do về đường tinh thần đương phấn đấu với sự ham muốn, và chỉ có người đức hạnh mới thiệt hiện sự tự-do đó được một phần. Kẻ nào đã diệt đặng mọi đều ham muốn những việc trần thế là đã đạt sự tự-do đó đến một độ rất cao. Đối với trần thế, người đã quá tha h cao và người sẽ sống trong cỏi Phạm-thiên. Sự tự-do tăng gia lần lần như thế, rốt cuộc sẽ trở nên tuyệt đối, khi đã diệt tận mọi sự ham muốn. Mọi sự bắt buộc phải thấy, phải nghe, vân vân..., đều mất tuyệt mải mải ; chỉ đến chừng đó là người có thể gọi là một *đại nhơn* : « Người ta nói : một vị đại nhơn, một vị đại nhơn — bạch đức Chí-tôn, nhưng phải thế nào mới được gọi là đại nhơn ? » vị đại đức Sâriputta hỏi. Và Phật trả lời : « Nếu kẻ nào đã giải phóng cho tinh thần của mình

(những quá trình cảm giác và trí ý của người) khỏi mọi thế lực của sự ham muốn, Sâriputta, thì kẻ đó là một vị đại nhơn ; nếu kẻ nào chưa giải phóng tinh thần của mình cho khỏi mọi thế lực của sự ham muốn, thì kẻ đó không phải một vị đại nhơn » (1).

XXIX

Chí phúc trong cảnh vô dục

Đã nhiều lần, chúng tôi đề cập đến sự hạnh phước do nơi sự giải phóng tinh thần. Vậy bây giờ chúng tôi tuyên bố rõ ràng, hạnh phước đó là hạnh phước lớn hơn hết có thể cảm biết được ; vì vậy mà đó là đều của ta ưa muốn hơn hết (đời sống của ta là một sự theo đuổi mải hạnh phước, cho rằng đời sống có một mục đích nào khác là vô nghĩa). Mà làm sao mới gọi là hạnh phước ? *Ấy là sự tắt mất lòng ham muốn vì đã được thỏa mản.* Sự có được một món nào mà làm cho ta được vui thích là *khi nào ta muốn có nó*, và hạnh phước của ta cân đúng với mảnh lực của sự ham muốn được thỏa mản. Mà bởi, cũng như con thú, chúng ta chỉ sống trong khoảnh khắc hiện tại nên chúng

(1) Samyutta Nikâya, V. trương 158.

ta không chút nào biết được hạnh phước thật do nơi sự giải thoát được mải mải sự ham muốn. Chúng ta cũng như ở trong cảnh một người bịnh mong mỏi được hồi phục và phấn đấu đặng có lại sức khoẽ. Người bịnh đó sẽ xem mỗi khi bịnh được tạm thời giãm bớt (mỗi khi được tạm thời thõa-mãn lòng muốn được lành mạnh) như một sự lợi-ích lớn. Và sự lợi-ích lớn hơn hết, tự nhiên, là khi chung cuộc được huờn nguyên sức khoẽ như thường Trong một ít lâu, người sẽ vui sướng cho đến bộc lộ ra ngoài, bởi vì sự ước-ao được lành mạnh đã được trọn như ý. Mà ý-thức có được hạnh-phước nầy cũng sẽ giãm bớt khi người chắc khỏi bịnh được lâu dài, và ý-thức đó cũng sẽ hết luôn khi sự lành bịnh trở nên một việc hoàn-thành.

Xem việc nầy ta có thể luôn một lược, kết luận được hai đều đáng chú ý : đều thứ nhứt, thân-thể được thật thãnh-thơi là khi người không còn ước-ao đều gì cho thân-thể nữa, và bấy giờ chúng ta không chút nào có ý-thức về sự thân-thể được hoàn-toàn thãnh-thơi, vì không có đều gì khiến ta phải lo cho thân ta nữa.

Mọi sự thãnh-thơi nào khác cũng giống như

thế : chúng ta càng ít sự ham-muốn thì càng tốt cho chúng ta, khi chúng ta *không còn sự ham muốn nào nữa,* thì chúng ta tới cãnh thãnh-thơi hơn hết, cãnh an-tịnh cúi cùng, chĩ có cãnh trạng đó là thật đáng muốn mà thôi.

Đều nầy cũng chĩ rằng hạnh-phước tăng thêm xứng với bước tấn-hóa của người về đường đạo-đức, nghĩa là xứng với công-phu của người học-tập, khởi sự, đè nén những sự ham-muốn của mình, rồi tới sữa đổi cho sự ham-muốn được thanh-cao, cho đến rốt lại, dập tắt hết trọn sự ham-muốn. Vì lẽ đó mà dấu hiệu đặc biệt, chẳng những của người đức hạnh, mà nhứt là của nhơn dân mấy cõi thượng-giới là sự *thanh tĩnh*. Vậy nên kẻ nào không phát triển sự thanh-tĩnh thành đặc tánh của mình,thì không thể tái-sanh trong mấy cõi cao hơn đó. Trong mấy cỏi trời đó không có chỗ cho những kẽ có tánh-tình quạo-quọ hay là buồn thãm, mấy kẽ ấy chĩ sẽ làm cho rối loạn không khí tinh-khiết của sự thanh-tĩnh tuyệt-vời đã tạo nên bởi sự không thiết đến mọi sự lợi-lộc ở ngoài : « Ôi ! chúng ta không có gì hết, mà chúng ta sống cách cao sang, bởi chúng ta sống vì vui, nên chúng ta giống như những thiên-thần *thanh-khiết !* » đó là lời trong những « Ca-vịnh của nhà-sư và cô-vãi

học phật». Và một đoạn kinh tiếng Nam-phạn cũng nói : « Kẽ nào đã thực-hành được sự từ bỏ, thì trọn cuộc đời thành một cuộc lễ vui vô tận ».

Kẽ nào trọn vẹn không bận sự ham-muốn nào *hết*, tuyệt nhiên không ham-muốn gì hết, đối với kẽ đó, *cã thãy* đều là thừa, thì thế nào lại không được thãnh-thơi tuyệt đối ! Đức Phật hỏi : « Kẽ nào luôn luôn có nước thì giếng có ích gì ? Kẽ nào đã thắng được sự khao-khát (sự ham-muốn) thì có cần ráng sức nữa chăng ? » (1) Hạnh-phước tối cao đó ông Schopenhauer ám chỉ nó trong đoạn văn có ý-nghĩa nầy :

« Chúng ta biết rằng những lúc ta được thoát khỏi sự áp-chế đau đớn của sự ham muốn, ta như thể lên khỏi không khí nặng nề của trái đất, là những lúc hạnh phước hơn hết mà ta có thể biết được. Xem đó, ta có thể tưởng tượng cuộc đời của người sẽ hữu phước biết bao khi ý chí chẳng những được dẹp an trong một lúc, như trong lúc vui thú cãnh tốt đẹp, mà đã diệt tiêu trọn vẹn... Không còn thứ gì có thể làm khổ được người, không còn thứ gì có thể làm người cãm động ; bởi vì tất cã mấy ngàn xiềng xích cũa ý-chí buộc ta vô cỏi

(1) Udâna VII 9.

đời, sự tham lam, sợ sệt, ghen ghét, giận hờn, tất cã những tình dục đau đớn làm điên đảo ta đó không còn độug được người nữa. Người đã bức đứt tất cã những dây buộc trói đó. Miệng mĩnh cười, người an-tịnh lặn nhìn thế lực của đời, xưa kia có thể làm cho người cãm động hoặc sầu thãm mà giờ nầy, lại để cho người lãnh đạm : người xem mấy sự đó, cũng như mấy quân cờ, sau khi mãng cuộc...».

Ông Schopenhauer đã đoán được cãnh chí phước của người thoát khỏi mọi đều ham muốn ; còn đức Phật, ngài tã sự kinh-nghiệm của ngài rằng : « Tất cã hạnh phước của giác quan ở trần-thế, và tất cã hạnh phước ở cỏi trời không bằng một phần ngàn chí phước do nơi diệt sự ham muốn ». (1)

Vậy một lần nữa, chúng ta nên kết luận rằng tình trạng độc nhứt thích hạp cho bãn thể của ta là khi ý-chí đã tắt mất mãi mãi. Vậy hảy hình dung tình cãnh đó thử coi : một người không còn chí muốn, không còn khao khát, không còn ước ao thứ gì nữa ; một người đã trừ bỏ được « thế-lực tự-nhiên, sâu xa hơn hết, mờ mịt hơn hết, bí-mật hơn hết » và đúng vì lẻ đó, không còn cãm thấy sự đau

(1) Udâma, II, 2

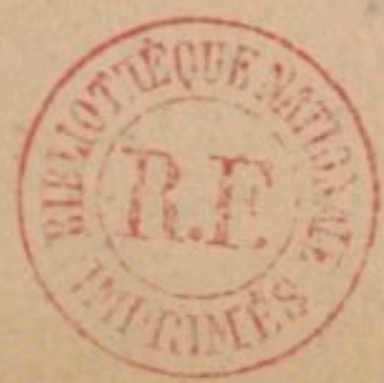

khổ nào nữa, bởi vì mọi sự đau khổ là chí muốn bị ngăn trở.

Còn có trạng thái nào cao siêu hơn trạng thái không chí muốn, không ước ao đó chăng? Phải chăng đó là sự an-tịnh hoàn toàn, sự an tịnh đời đời dầu thứ gì cũng không thể làm xao xiến được nữa, dầu thân thể tiêu tan và, luôn với nó, thế-giới cãm-quan tiêu diệt cũng mặt. Sự tiêu-diệt đó chẳng phải là phương tiện cho sự thãnh-thơi hoàn-toàn trở nên sự thảnh-thơi *tuyệt đối* sao, bởi nhơn đó mà tiêu diệt luôn sự đau khổ có thể sanh ra về sau?

Phương thế hay hơn hết để diệt sự ham muốn là nhận biết rằng «chí-phúc của cãnh giải thoát ở trong sự diệt tiêu lòng ham muốn» (1).

---

(1) Udâma, VII, 6

Cái tôi tắt mắt

XXX

Bốn ngà lá siêu-việt tất cã những khái-niệm (ý-tưởng) chĩ ứng dụng cho phi ngã

« Thứ nào (nơi chúng ta) thuộc về phạm và của khái-niệm, phạm-vi định-nghĩa, phạm vi nhận-biết là cơ-thể hữu-hình của chúng ta vi cùng với nó, ý-thức (sự nhận biết) » (1). Hai thứ kết-hợp sanh ra nhơn-tánh, nghĩa là cái tôi mộng-ão. Nhờ có mấy thuộc-tánh đó mà biết đặng chúng ta và phân biệt chúng ta — tên là anh X. hay là cô Y. — còn vị Giãi thoát, khi chết, người bỏ nhơn-tánh của người và không đeo mang cái khác, không đeo mang một « chùm phức-tạp » những thuộc tánh cãm quan khác. Bởi vậy từ đó về sau những kẻ còn tánh riêng biệt không thể định nghĩa cũng không thể biết được người, bởi vì « cái để chĩ người không còn nữa » (1). Có phương thế nào để cho ta dùng đặng chĩ những kẻ không còn có thân-hình và vì thế không còn cãm-giác, không còn tư-tưởng nữa, tóm lại, không còn muốn gì nữa ?

(1) Digha Nikâya, II, trương 62

Không có phương thế nào hết : bởi vì cả thảy khái-niệm, cả thảy tiếng nói chỉ ứng dụng cho những thuộc tánh của ta, vì có một lẽ muốn chỉ những thuộc tánh đó mới có sanh ra khái niệm và tiếng nói. Khái-niệm và tiếng nói không phải ứng dụng cho *chúng ta*, cho tinh ba của chúng ta. Vì lẻ đó mà tư-tưởng « *tôi* », hay là « *của tôi* » không còn phát hiện trong trí của kẻ đả nhận biết rỏ rằng *cã thãy* đều là riêng biệt với bổn thể của người. Có chăng chỉ còn tư-tưởng « *không phải tôi* ». « *Không phải của tôi* » còn phát hiện nơi người. Quan-niệm một cái tôi riêng tư (quan-niệm tôi) không còn làm rối trí người nữa vì một cái tôi như thế, theo thật sự không có, và tư-tưởng « *bổn-kỷ* » thật không thể phát hiện nơi người, bởi vì, đúng theo, thực sự, *mọi vật* của sự hoạt động nhận thức chỉ sanh ra tư-tưởng « *không phải tôi* » và « *không phải của tôi* », tư-tưởng « anattâ ». Chúng ta thì trái lại, chúng ta tư-tưởng với những tiếng tôi và của tôi, bởi vì chúng ta không biết phân biệt chơn ngã của chúng ta với cái tôi mộng ảo, nghĩa là với nhơn tánh của chúng ta Những luật chỉ quan hệ với nhơn tánh, ta đem qua ứng dụng cho chơn « *ngã* » *không thể biết được* của chúng ta,

(1) Suttanipâta, câu 1076.

vì vậy mà chúng ta tạo ra những sự mâu-thuẫn. Ông Schopenhaner đã nhận thấy rõ ràng đều nầy khi ông nói : « Nếu ta tìm ra những sự mâu thuẫn ở trong đời, là bởi chúng ta xem như *một* cái mà, theo thực-sự, là *hai*.

Thật vậy, có thế nào tôi có thể tái-sanh, nếu «*tôi*» đó đã chết, nếu *tôi* đó đã tan rã, tiêu diệt và phân tán ? Đó là một sự mâu-thuẫn vô-lý *bởi vì cái mà không còn nữa không thể tái-sanh được*. Thế mà nhiều tín-đồ phật-giáo để mình vướn vào cùng-cảnh nầy và bài những giả-thuyết hết sức rối rấm đặng ráng sức ra cho khỏi, thật là một sự đáng thương và vô lý. Đã đành không có cùng cảnh nào hết, không có sự mâu-thuẫn nào hết : Chỉ phải thật hiểu rằng sự chết và sự tái-sanh chỉ ứng dụng cho những *thuộc-tánh* chớ không phải cho chơn ngã. Kinh sách phật - giáo thường nói : sự chết không động đến « *tôi, chính là tôi* » được. Như thế thì thật là rõ rằng « *tôi* » có thể mang vào và thải bỏ mấy thuộc-tánh thể chất-cảm quan — đúng như tôi có thể choàn cái áo lên mình và sau đó, thay cái áo khác, mỗi lần, tôi kinh-nghiệm như thế những cảm-giác mường-tượng với nhau.

XXXI

Ý-tưởng tắt mất, theo nghĩa đúng lý của nó

Lời xát - nhận của Phật — rằng bực giải-thoát sau khi chết là « Parinibutto », nghĩa là « tắt mất trọn » — làm cho nổi lên nhiều sự bất thông. Bởi vì người ta đem quan-niệm « tắt mất trọn » nhập làm một với quan-niệm « tiêu diệt trọn ». Tất nhiên — như chúng ta đã biết — bựcgiải-thoát không bị tiêu-diệt ; trái lại, sự chết khôngcòn động tới người được nữa, cái chết chỉ có lấy mất sức hoạt-động cãm-giác và, như thế, làm cho người được thãnh-thơi tuyệt-đối.

Đứng trọn-lành vì sự chết mà tắt mất và sự người không dự vào sự chết, theo thực sự, không có trái ngược nhau. Đứng trọn-lạnh tắt cũng như cây đèn tắt. Trong kinh Suttanipâta có nói : « Các đứng hiền-triết tắt cũng như cây đèn nầy, bởi không còn chi-muốn nào nổi lên nơi người nữa ». Mà sự tắt (cũng như sự cháy) của một cây đèn chỉ thuộc về những « hiện-tượng » là những « thuộc-tánh của cây đèn, nghĩa là dầu và tim, chớ không quan-hệ tới chính mình cây đèn. Cũng giống như thế, sự

sống và sự chết là những hiện-tượng chỉ quan-hệ tới những thuộc-tánh hay là những cái tô-điểm, chớ không động tới đứng giải-thoát chút nào: mấy thuộc-tánh đó không có bao hàm trong *bổn-kỹ*, mấy thứ đó tương-phản với nó. Lửa tắt cũng như thế. Lửa không phải bởi chất cháy của nó và ngọn lửa cấu thành, cũng như đứng trọn lành không thuộc về thân hình và ý-thức của người. Đều nầy, mấy vị viết ra kinh Upanishads cũng đã biết, nên trong đó chúng ta gặp những câu như sau nầy: « cũng như lửa, khi cây đã cháy » (1) hay là: « Brahma, trong bổn-tánh của ngài, là sự nhận thức thuần-túy, cũng như lửa khi vật cháy đã tàn » (2). Trong kinh Upanishad Ovetâvatara, I, 13, có nói: Lửa, khi đã trở về chỗ nó, bổn chất của lửa cũng vẫn tồn-tại ». Cũng thế, một thầy bà-la-môn du-phương tầm-thường, khi ở trước Phật, nhận ra rằng: « Cũng như lửa, khi không có gì nuôi cho cháy, nên gọi là tắt » và Phật thừa nhận đều đó (3).

---

(1) Upanishad Cvetavatara 6,19

(2) Up. Maitrâyanna 6,34

(3) Majjhima Nikaya, 1, trương 487. Nếu lửa có trí khôn thì nó sẽ nói về ngọn lửa và chất cháy (và « sự ham muốn » buộc dính nó vô chất cháy), đúng y như bực giải-thoát nói về nhơn-tánh của người : « Cái nầy không phải của tôi tôi, không phải là cái

Vậy đây nầy, tại sao nói rằng bực Giải-thoát cũng tắt: bực giải-thoát cũng như lửa, người trở về «quê-hương». Lại nửa, một ít lâu trước khi bỏ xát, đức phật nói với mấy nhà sư của ngài: «Ta từ giả mấy vị, ta đi, «*Ta nương nhờ lấy ta*»

Chỗ khác, đức Phật giải nghĩa minh-bạch rằng sự tắt mất chỉ ứng-dụng vào ba «ngọn lửa»: ngọn lửa thèm muốn, ngọn lửa oán ghét và ngọn lửa hôn-mê (ba thứ ham-muốn Tanhâ); bởi đó ngài định nghĩa chữ Nibbâna (Niết-bàn), mục đích của đời đạo-hạnh, là tắt

---

nầy, cái nầy không phải là bổn-ngã của tôi». Cái mà ẩn sau hình dạng bề ngoài của lửa cũng là một cái không thể biết được, một thứ gì mà ở trong đó có một sự ham muốn phát sanh, gây ra sự mến luyến chất cháy, và sanh ra sự «hóa-thành» sự cháy; khi chất cháy hóa-hợp với dưởng-khí, thì bây giờ một nguyên-tố nhán sáng phát-biện lấy hình-thể là lửa. Vậy «Lửa» không phải là sự hóa-hợp những chất cháy với dưởng-khí; trái lại sự hóa-hợp nầy làm cho phát sanh một nguyên-tố mới gọi là lửa, lửa sanh ra bởi một ý-định nắm lấy một cách ham-hố, phát-sanh từ trong chốn sâu một cỏi không thể biết được. Người ta cũng có thể nói, theo một cách đó, về các chất hóa-hợp: nếu khinh-khí và dưỡng-khí hóa-hợp theo hạng độ 2 với 1, thì một nguyên-tố mới (nguyên-tố lỏng gọi là nước) phát-sanh từ trong cỏi không thể biết được. Vậy nước không phải cấu-thành bởi H20, H20 chỉ là điều-kiện dự bị cần-yếu cho sự phát-hiện của nguyên-tố lỏng, cũa nước.

mất sự *khao-khát* (Tanhâ-Nibbâna) hay là tắt mất *Chí-muốn* : « Vì muốn bỏ chí-muốn đi, nên người ta theo đấng Chí-tôn, sống cái đời đạo-hạnh. Dùng chí-muốn mà bỏ ý-muốn đi. »

XXXII

Quan-niệm về hư-vô

« Nhận biết » nghĩa là, đối với tôi, những vật có tồn-tại. Nếu tôi bỏ cái máy nhận-thức thì, đối với tôi, không còn có những vật (sanh ra đau-khổ), đối với tôi, gì cũng không còn. Vì vậy, quan-niệm hư-vô chỉ ứng-dụng vào phạm-vi phi-ngã (Anattâ), chính nó chỉ rằng, đối với tôi, không có cõi đời nầy. Vậy nên quan-niệm hư vô có tiên-nhận sự tồn-tại của chính tôi như chủ-quan.

Vì vậy tương-phản với *cõi đời* không phải là hư-vô tuyệt-đối, mà *chính-là-tôi*. Theo thực sự, chỉ có một cái *hư-vô tương-đối*, một cái hư-vô *đối với sự nhận biết của tôi*, và theo nghĩa đó mà thôi, « một cái hư-vô về sự có thể biết được của tôi », chớ không khi nào có một cái hư-vô kéo luôn sự tiêu-diệt của chính tôi.

Một cái hư-vô tuyệt-đối, nếu người ta xét

kỹ, cũng là một sự không thể tưởng được. Bởi chính tôi ở ngoài thời-gian và, vì vậy, bởi sự tiêu-tan của vật vô-thường không ãnh-hưởng đến tôi, nên khi tôi tưởng đến hư-vô tuyệt đối thì, một phần, tôi nghĩ ra tôi — nếu tôi suy-nghĩ hợp cách — như là chũ-động của câu nói, như cái không thể động tới được trong sự lưu-hành của thời-gian ; còn phần khác, trong quan-niệm hư-vô tuyệt-đối, tôi tưởng luôn một lược rằng có một lúc mà chính tôi sẽ bị tuyệt diệt. Như thế (đứng về chũ-vị thì tồn tại và đứng về khách-thể thì tiêu diệt), luôn một lược tôi tồn-tại và tôi không tồn-tại !..... Đều nầy rỏ ràng là không thể được và vô-lý

Muốn nghỉ ra quan niệm về hư-vô tuyệt-đối, ắc phải có một quam-niệm sai lầm về *địa-vị* của chúng ta là *chủ-quan ;* người ta phải — một các sai lầm — xem mình như là bao hàm trong những phần tữ của nhơn tánh. Như thế, hắn người ta có thể tao ra một cái hư-vô tuyệt đối, khi mà những phần tử đó tan rả.

Thật sự, như thế, người ta chỉ nghĩ ra sự tiêu-diệt cái mà người ta để một cách sai lầm vô trong ý-tưởng « bãn ngã », chớ người ta không thể nghĩ ra sự tiêu-diệt chơn-ngã của chúng ta. Sự mâu-thuẫn thật hiển-nhiên và trọng đại cũng bằng cái món bằng cây mà muốn tưởng-tượng cho là sắt ! Đối với người

nào tư-tưỡng đúng lý, quan-niệm về hư-vô tuyệt-đối, kể luôn sự tiêu-diệt chính mình nữa, hẳn thật là hoàn-toàn không thể nghỉ ra được.

XXXIII

Trạng-thái tuyệt-đối

«Nếu chúug ta thực hành phép nội quan một cách sâu xa, thì chúug ta sẽ tìm ra là thời-gian không cần-thtết cho ta : đó là một đều mà những nhà triết-học và những vị thần bí, trước ông Kant đã lâu, phô-diễu bằng ý-tưỡng «trường-tồn». Chúng ta cũng sẽ tìm ra rằng xác-thân với những quan-năng nhận-thức của nó cũng không cần thiết cho ta nữa. Chúng ta lại còn cảm thấy một sự ước-ao nhiệt-liệt muốu được giải-thoát cã thãy những «hạn định» đó. Bãn-tâm đó, theo tôi tưỡng, là căn-bỗn của mọi khoa triết-học chân-chính Vậy phải có một tình-trạng mà trongđó không có cơ-năng nhận-thức bỡi vậy, trong đó không còn có khách-thễ mà đối với nó tôi thấy tôi như chũ-vị ; một tình-trạng mà trong đó không thứ gì giống với ý-thức của tôi có được, mặc dầu trong ý-thức nầy phát lên một sự ức-đoán cho là phải có một tình-trạng như thế, song le

không có một quan-niệm nào có thể bày tỏ tình-trạng đó được, bởi lẽ giãn-dị là đều nầy ở ngoài cã thẩy tư-tưởng. » (Lời của ông Schopenhauer biểu minh theo cách phật giáo).

XXXIV

« Sự ẩn náu tận trong chốn sâu-thẳm của bổn-kỹ » hay là sự vô-lượng vô-biên của trạng-thái tuyệt-đối

Không còn ham-muốn những hình-thể, những thinh âm, những mùi, những vị, những vật rờ đụng được và những tư-tưởng ;

Bởi vậy, không còn ham-muốn cãm-giác và tri-giác (bởi những cãm-giác và những tri-giác chỉ là cãm-giác và tri-giác những hình-thể thinh-âm, mùi, vị, vân vân . . .)

Bởi vậy, không còn ham-muốn nhận-thức (ý-thức) ý-thức nầy chỉ phát sanh với cãm-giác và tri-giác (1) : sự giãi-thoát mọi đều ham muốn một cách tuyệt-đối là ở trong mấy đều đó.

---

(1) Ý-thức nào cũng chỉ là một ý-thức những vật ở ngoại-giới, vậy là : những hình-thể, những thinh-âm, vân vân... Cho đến ý-thức cái tôi cũng là ý-thức cái không phải tôi ; thật vậy, nó há chẳng phải là ý-thức

Trạng-thái không ham-muốn tuyệt-đối đó « nghĩa nó không phải là sự tiêu-diệt một nguyên-chất, mà nghĩa là một hành-vi vô-dục. Cái mà, từ trước đến giờ, đã muốn nay không

---

cái nhơn-tánh của tôi sao? nghĩa là xác-thân tôi, những cãm-giác của tôi, những tri-giác của tôi và những sự hoạt động trí-não của tôi. Mà trọn cã nhơn-tánh đó là phi-ngã (anatta). Chơn-ngã của chúng ta là không thể biết được; không thể thấu được và nó ở trên mọi ý-thức. Trong trạng-thái ban sơ của nó, nó không cần có ý-thức. Cũng như ông Schopenhaner nói kẻ bại chưn, mạnh rồi, không cần tới gậy nữa. Có ý-thức hay là nhận biết — hai tiếng, suy đến gốc, vẫn inhệch nhau — chỉ là sự bất đắc dỉ để cho chúng ta có thể tìm phương-hướng trong cỏi đời đau khổ nầy. Vì lẽ đó mà đức Phật nói: « Có ý-thức là không mạnh giỏi, là đau yếu » kẽ nào còn ham muốn có ý-thức « là thèm muốn sự đau khổ », đức Phật còn nói như thế nữa. « Những kẻ nào, dầu đến thế nào, cũng lùi trách trước cái trạng thái tự do nhận thức. thì cũng giống như mấy người Groenlandais theo đạo mà không muốn lên trời, khi hay rằng ở trên đó không có cá phoques », theo như ông Schopenhauer nói.

Chúng ta có thể ức đoán sự hoàn toàn của trạng thái được giãi thoát, nếu ta xét rằng những máy móc phiền phức phi thường của cơ thể của ta, cấu tạo và vận chuyển ở ngoài quyền hạn của sự nhận biết (ý-thức(; cã thã những hiện-tượng khéo léo cãnh thiên nhiên không phải là kết quả của một sự suy xét, mà phát sanh từ trong chốn sâu thẳm một cảnh-giới ở ngoài sự nhận-biết. Đều nào mà do một trạng-thái ý thức sanh ra là luôn luôn không hoàn-toàn, có lẽ còn hư tệ nữa, nếu người ta so sánh nó với công việc kỳ-diệu của cảnh tự-nhiên thành-tựu mà không suy nghĩ chút nào, nghĩa là không ý-thức.

muốn nữa. Bởi chúng ta chỉ biết đặng « bổn-thể » đó (bổn-ngã của chúng ta) trong và nhờ hành-vi ý-chí, nên chúng ta, đứng về chủ-vị nhận-thức, không thể biết được hay là nói bổn-thể đó làm sự gì, sau khi nó từ bỏ hành vi đó (Schopenhaner). Vì vậy, đối với sự nhận biết của ta, trạng thái vô-dục tuyệt-đối là một sự vượt qua vực-thẳm Trống không.

Cái không thể biết được đó (bổn-ngã của chúng ta), thật vậy, là một vật quá tôn-nghiêm cho đến đổi, *nếu ta biết đặng nó*, ta sẽ ngạc-nhiên tính vĩ-đại của nó — cùng là sự điên dại của chúng ta làm cho ta sợ và tránh nó — bởi vì trong cái Không-thể biết được đó, không có thì cũng không có chung, không phải hiệp một cũng không phải phân nhiều thứ ; nó thâu góp và đào thãi sự bao-la vô tận của thời-gian và thiên-hình vạn-trạng của không gian ; nó chính là... Cái Không-thể biết được. Mà, dầu thế nào, nó cũng là « sự vắn lặng cực điểm », « sự vô-ưu chí-thánh » « sự chí-phước cao-siêu », « sự yên-tịnh quá sức hiểu biết ».

— « Hãy nói thử, tâu đại-vương, ngài có một người nào tính giỏi, có thể đếm những hột cát của sông Hằng, và có thể nói : « Ở đó có mấy hột cát, hay là mấy trăm, hay là mấy

ngàn, hay là mấy trăm ngàn hột cát không ? »

—« Bạch Sư-cô, không có người như thế. »

—« Hay là ngài có người nào biết tính, có thể nói : « Có mấy lít nước, hay là mấy trăm, hay là mấy ngàn, hay là mấy trăm ngàn lít nước ở trong biển-cả không ? »

—« Bạch Sư-cô, không. Tôi không có người nào như thế. »

—« Và tại sao vậy ? »

—« Bởi vì biển-cả là sâu, không thể lường được, không thể dò được. »

—« Thì cũng thế, tâu đại-vương, nếu ngài muốn hiểu bổn-thể của một đấng Trọn-lành mà do theo những thuộc-tánh về vật-chất, về cảm-giác, về tri-giác, về sự hoạt-động của trí-nảo và ý thức. Nơi một đấng Trọn lành, vật chất, cảm-giác, tri-giác, sự hoạt-động của trí nảo và ý thức đã *tắt mất*, gốc rễ của chúng nó đã tiêu diệt cũng như gốc rễ của cây dừa đã bị chặt đứt và thải ra xa, cho đến đời về sau nó không còn có thể nảy nở được nữa. Đã phân ly với cái mà người ta gọi là thân-hình, cảm-giác, tri-giác, sự hoạt-động của trí-nảo và ý-thức, một đấng Trọn-lành, tâu đại-vương, là quá sâu, không thể dò được, cũng như biển cả vậy. » (1)

---

(1) Samyntta-Nikâya, II, trương 374 và tiếp theo.—

XXXV

Cảnh giới những bổn-thể

Trong đời không có gì là thực-tại, tất cả đều là một sự biến thành. Tất-nhiên, mọi sự *biến-thành*, cũng như sự biến thành của lửa, là phải do nơi một sự quyến-luyến, và sự quyến-luyến, lại là sự thực-hành một chí-muốn. Mà tất cả

Chúng ta còn nên nhận rằng vị thánh theo phật-giáo hơn vị thánh theo cơ-đốc giáo biết bao nhiêu. Vị thánh cơ-đốc-giáo, theo lời dạy trong Tân Ước, đã thắng được thế-giới của chúng ta (thế-giới khoái-lạc thô-tục và vật dục) mà người làm như thế là chỉ để gắn bó một cỏi vừa cao hơn: cỏi trời. Vị thánh phật giáo, trái lại, đã thắng được cả thãy mấy cỏi, kể luôn những cỏi trời nửa. Người ta có thể nói rằng vị thánh ở bực thấp hơn hết theo phật giáo (nghĩa là vị Sotapanna, kẽ «vô trong giòng sông» đắc tới Niết-bàn) quá sức cao hơn vị cao hơn hết, tiền tiến hơn hết trong những tín đồ cơ-đốc-giáo. Bởi vì tín-đồ cơ-đốc-giáo xem ý-thức (sự nhận-biết) là thuộc về bổn-thể thật của người; vậy người không thể ước mong sự gì cao hơn một ý-thức đã lóng sạch — dầu vậy, ý-thức đó cũng phải hư-hoại — Còn vị Sotapanna thì tinh-thần thấu suốt hơn, thiệt hiện được rằng trọn nhơn-tánh của người, kể luôn những cơ-năng nhận-thức, là, «Anattâ», phi-ngã, và khi thải bỏ được trọn vẹn những cái đó, người vượt khỏi hết mấy cỏi thế-giới sinh-tồn.

mọi ý-chi (ham-muốn, khao-khát) tất phải có một « bổn-thể » do đó nó phát-hiện. Thế thì, « bổn-thể » đó ẩn sau chí muốn và sự biểu-thị cảm-quan của chí-muốn. Đều đó nghĩa là bổn thể ở ngaài cả thế-giới biến-chuyển. Bởi vậy. Nó vẫn là cái không thể nào biết được.

Mọi tư-tưởng, rốt cuộc đặc để chúng ta trước mặt đối-tính đó — tuy vậy, đó không phải là đối-tính tuyệt-đối. Bởi vì, mỗi hiện-tượng, mỗi thuộc-tánh là *do nơi* chí muốn của cái Không-thể biết được đó. Nếu tất cả chí-muốn đều không còn (kể luôn « sự khao-khát » làm cho sinh-hoạt loại không cơ-thể) thì tất cã sự biến-chuyển và bởi thế, trọn cỏi đời cũng không còn, nhưng sự đó không chút nào ảnh-hưởng tới « Nibâna-Dhâtu », cảnh giới bổn-thể. « Cũng như tất cả sông rạch của trái đất và tất cả nước trong không-khí hiệp lại biển-cã thì trong Biển-cả cũng không tăng không giảm, cũng giống như thế, cảnh giới Nibbâna (Niết-bàn) không tăng, không giảm, mặc dầu có bao nhiêu số đạo-sư tới trong đó ».

Cảnh-giới Niết-bàn đó là quê-hương thật của chúng ta, nơi đó là chánh chỗ cốt-yếu của tất cả hiện-tượng mà người gọi chung là « cỏi đời». Bởi lẽ đó cho nên nói, khi lửa tắt cũng như khi đứng Trọn-l nh tắt: «Người đã trở về quê củ».

Ở trong cảnh-giới đó, những «bổn-thể» có thể có những sự tương-liên như thế nào? Đều đó là hoàn toàn ở ngoài sự nhận-biết. Song-le, chúng nó ít *hiệp nhau* (cái nầy với cái kia ít giống nhau) cho đến đổi trong những thuộc-tánh của chúng nó thiệt-hiện thành ra «cỏi đời», chúng nó xâu-xé nhau không dứt; và, tuy vậy, chúng nó ít chia lìa cho đến đổi chúng nó có thể hiệp nhau trong sự yêu thương chung cả. ..Vậy chúng nó là gì? Trả lời không thể được. Có một sự trả lời là....*Nín lặn*....(1)

---

(1) Cảnh-giới của sự «Cốt-yếu» (hay là của «Bổn-ngã») của Mọi vật hiển lộ là — như bây giờ chúng ta đã hiểu — cái nền, cái nguyên do rốt hết của tất cả mọi vật hiển lộ và, bởi đó của trọn «cỏi đời», nến chúng ta hiểu ý-tưởng cỏi đời theo nghĩa là trọn hết tất cả những hiện-tượng. Tất nhiên cái tên của mấy tôn-giáo đặc cho căn-bản hay là nguyên do cúi cùng của cỏi đời là «Trời». Vậy nêu cảnh-giới của sự Cốt-yếu hay là Niết-bàn bao-hàm ý-tưởng «Trời» ở trong. Mà ở đây, trời không còn là một người nửa, trái lại, trời là thoát khỏi hết mọi sự xát định rỏ ràng, chính cũng như chơn-ngã của chúng ta, vốn in-hệch với trời. Chính bởi quan-niệm hợp-lý về Trời hay là về thần-linh đó mà những vị thần-bí giống nhau (xem «Phật và Christ» của tác-giả). Nhưng vậy, đức Phật cũng bỏ luôn cái tên «Trời», xem như là nguyên-lý tạo ra cỏi đời. Nguyên-lý đó là ở ngoài mọi thứ có tên cho nên

XXXVI

Lời của Phật và của mấy đại-đệ-tử của ngài

« Thân-hình của một đấng Trọn-lành, nghe chư tăng, hãy còn, mà đả phân tách khỏi thế-lực dắc tới sự biến-thành. Thân-hình của người còn bao lâu, thì thần thánh và thế-nhon sẻ còn thấy người ; nếu thân-hình của người vở tan, nếu đời sống của người đả tới kỳ cùng tận, thì dầu thần thánh, dầu thế nhơn cũng sẽ không thấy đặng người nữa. »

(Dîgha Nikâya I, trương 146)

« Kẽ nào không mê-đắm cơ-thể hữu hình, *không là gi nữa hết*, thì sẽ không thế nào còn mắc phải những sự đau-khổ. Người đã bỏ mọi danh từ, người không còn trú nơi một chỗ nào nữa, người đã hủy sự ham-muốn xu-hướng về một cơ-thể hữu-hình. Vì bởi không đều lo-lắn, không sự ước-ao, nên thần-thánh và thế-nhơn

---

ngài gọi, đúng theo sự thực tuyệt đối, là nguyên-lý Niết-bàn (Nibbâna dhâtu) nghĩa là cái nguyên-lý mà ở trong đó cả thảy, và chính cả thảy tên củng vậy, đều tắt mất.

muốn tìm người, thì dầu dưới thế nầy, dầu trong cỏi khác, dầu trong những cõi trời, dầu trong mọi chỗ cũng không thể gặp đặng người.

(Samyutta-Nikâya I, trương 22)

Không có lời nào đặng chỉ kẽ đã trở về « quê cũ của người ». Bởi vì (đối với người) mọi vật đều bị hũy-bõ, cã thãy những biến-thái của lời nói cũng bị hũy bõ.

(Suttanipâta, cân 1076)

« Hãy tôn-kính những bực đại quang-minh đã vượt khỏi tất cã những đều trở-ngại và đã hoàn-toàn tắt mất, những bực không thể lường được.»

(Majjhima-Nikâya II, trương 71)

« Những bực hiền-minh ra khỏi đời.»

(Samyutta-Nikâya V, trương 62)

« Những bực hiền-minh không làm gì hại cho sinh-vật nào hết, luôn luôn biết kềm chế xát thân, nên đến được cỏi yên-lặn. Nơi đó, không có sự buồn rầu nào động tới người nữa được.»

(Pháp-cú, cân 225)

« Tống được sự nhớp nhơ, ngươi sẽ đến được, khi gỡ hết nết xấu, trong cảnh huyền-diệu, trong cỏi tuyệt-hão.»

(Pháp-cú, cân 236)

« Chẳng phải dùng những cách chỡ-chuyên như thế (thí-dụ như voi, lừa hay ngựa) mà người sẻ đến được cỏi không ai đạp chưn tới (Niết-bàn), ngươi đến cõi đó với « cái tôi » đã qui-phục được.»

(Pháp-cú, cân 323)

« Có một chỗ kia, hỡi các sư-tăng, nơi đó không có đất, cũng không có nước, cũng không có lửa, cũng không có khí thỡ, cũng không sự mênh-mong của không-gian, cũng không sự bao la của ý-thức, cũng không cỏi nầy, cũng không cỏi kia, cũng không cỏi nào trong hai cỏi : mặt trăng và mặt trời. Ta gọi chỗ đó, hỡi các sư-tăng, là : không đi tới, cũng không bỏ đi, cũng không đứng, cũng không biến-thành, cũng không mất. Không căn-bản, không kế-tiếp, không chi-điểm là đó : đó là sự hết đau khổ »

(Udâna VIII, 1)

« Ta sẽ đi đến cái vô-động, cái không lay-chuyển, cái đó không thứ gì giống được hết.»

(Suttanipâta, cân 1149)

« Nibbana, đó là chơn-phước cực-đại.»

(Pháp-cú, câu 204)

« Làm thế nào mà ở đó có thể có chơn-phước được, ở chỗ không còn cảm-giác?» — « Không có cảm-giác, đều nầy đúng là chơn-phước đó, bạn ạ.»

(Anguttara-Nikâya V, trương 414)

« Cũng giống như lửa nhán ra dưới nhát búa của người thợ rèn, rồi kế đó lần lần trở lại yên-lặng và khi đó người ta không thể nói được là nó đã đi đâu — cũng như thế là chỗ cư-trú của mấy bực đã thật giải-thoát, đã qua được con sông vui-thích giác-quan và đến được cảnh chơn phước không thay đổi.»

(Udâna, VIII, 10)

HẾT

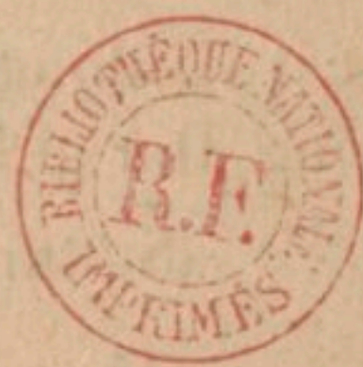

MỤC-LỤC

CÁI TÔI TẮT MẤT

Những tác-phẩm của Georg Grimm

La Doctrine du Bouddha, Religion de la Raison — 1915
(*Giáo-Lý của Phật, Đạo căn-cứ ở Lý-tính*). Tác-phẩm cốt-yếu của Georg Grimm.

Science du Bouddhisme — 1923
(*Khoa-học của Phật-giáo*)

Bouddha et Christ — 1928
(*Phật và Christ*). Bình-luận đối-chiếu một cách rất sâu-xa nội-dung và nguyên-điểm của hai tông-giáo lớn ở toàn-cầu.

La Sagesse du Bouddha
(*Tuệ-giác của Phật*). Có xuất bản tiếng pháp và tiếng annam. Chứa tinh-ba của Giáo-lý trong một thể thức như thể đúc đặc lại.

Le Bonheur, Message du Bouddha
(*Hạnh-phước, Thông-cáo của Phật*)

Questions éternelles — 1937
(*Những Vấn-đề bất dịch*). Giới-thiệu một cách hết sức đúng và rỏ ràng những tông-giáo đại khái có tánh chất triết-học, nhứt là cho ta biết đại cương của tất cả đạo-đức của cổ Ấn-độ, một cách chưa có sách nào bằng, rất vắn rất rỏ, cho mọi người có thể hiểu được.

Quyển Hạnh-phước và quyển những Vấn-đề bất dịch là hai quyển sách để trầm tư mặc tưởng.

Notre descente dans le monde et notre rentrée chez nous.
(*sự ta đi xuống cỏi đời và sự ta trở về quê củ*).
La Force vitale et sa subjugation
(*sanh-hoạt lực và sự thắng phục nó*)
La Souffrance et sa domination
(*sự đau khổ và sự chế phục nó*)
« Samsaro » (*Đường rắc rối trong sự tái sanh*)

Trong quyển sách nầy viết bằng nét lửa câu đại châm-ngôn « Nemento mori », hảy tưởng tới sự chết và bên kia sau khi chết, đặng mà khi đã bước ngan qua cửa tối tăm của sự chết, người khỏi bất ngờ phải thức giấc một cách hải hùng trong một thế-giới thiệt thòi và đầy đau khổ.

* * *

Sẽ xuất bản chữ pháp và dịch ra tiếng annam.
La Religion du Bouddha.
(*Đạo của đức Phật*). Sách nầy sẽ gồm có.
« Những Vấn-đề bất dịch »
« Đại Luận-chứng », trích trong quyển « Phật và Christ »
« Hạnh-phước, Thông cáo của Phật »
« Samsaro »

Theo thể-thức đó, quyển « Đạo của đức Phật » sẽ thỏa mãn một cách rộng rải những sự cần biết của đọc-giả quyển sách nầy phô bày vừa nền tảng lý-thuyết của Giáo-lý của Phật, vừa những qui kết thực dụng trong đời cũa cá-nhơn, do lý-thuyết đó màra ; ước sao nó sẽ là quyển sách đưa người đến Giáo-lý xưa của Phật.

Bản những chữ sái và in thiếu

TRƯƠNG	HÀNG	CHỮ	*Sau chót bài tựa, xin bỏ từ chữ : Bỗn chữ pháp cũng sấp ra cho tới hết bài.*		
24	20	9	nhoài	xin đọc	ngoài
25	16	5	hởi	—	bởi
33	chót	6	giống	—	giống đó
34	16	11	đói	—	đó
37	10		nối tiếp xúc với bằng một cơ-thể hữu-tình «xin đọc» nối tiếp trong tương-lai vô-tận		
38	14	6	và		xin bỏ
39	11		vừa là kẻ tạo ra chúng nó và kẻ tạo ra chúng nó và là kẻ bị chúng nó và là kẻ bị chúng nó hại «xin đọc» vừa là kẻ tạo ra chúng nó và là kẽ bị chúng nó hại		
42	19	1	rưng	xin đọc	lưng
42	25	1	lằng	—	rằng
61	24		nó không ngũ theo cái kia «xin đọc thêm» và khi cái kia		
62	17		thõa-mãn sự ham muốn «xin đọc và thêm» thõa-mãn sự ham muốn đó. Mỗi đều trở ngại cho sự ham muốn		
64	2		một kế-hoạch nào «xin đọc thêm» không giá-trị thì người sẽ		

70	4		mọi vật biết được « xin đọc » mọi vật ta biết được
72	14	1	iếp xin đọc kiến
73	19	chót	biế — biết
87	21		trạng-thái ý-thức « xin đọc thêm » quá cao hơn trạng-thái ý-thức ở cõi Brahma
89	13	7	tớ xin đọc tới
89	18		cây quẹt cháy « xin đọc thêm » nếu tôi được như ý thì tôi sẽ lảnh-đạm mà xem thấy cây quẹt cháy rồi tắt.

Quyển TUỆ GIÁC CỦA PHẬT là quyển giải về cốt yếu Giáo-lý Phật. Còn muốn rõ về phương-pháp thực hành Giáo-lý ấy, hãy đọc tiếp quyển

YANA

0$25